

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT
VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11/2023.NHT-CBTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 04 năm 2023

V/v Báo cáo thường niên năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa
 - Mã chứng khoán: NHT
 - Trụ sở chính: số nhà 71/4A đường Hiệp Thành 13, KP7, P. Hiệp Thành, Q.12, Tp.HCM.
 - Điện thoại liên hệ: 02837112054 Fax: 02837112055
 - E-mail: vuhuynh@namhoatoys.com; ducuong@namhoatoys.com
- Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19/04/2023 tại đường dẫn:

<https://namhoatoys.vn/cong-bo-thong-tin;>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

CÔNG TY CPSX&TM NAM HOA
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN



HUỲNH NGUYỄN VŨ



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT
VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA

Địa chỉ: C5-9, đường N9, Khu công nghiệp Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tel: (028) 3711 2054 | Fax: (028) 3711 2055

Email: info@namhoatoys.com

Website: www.namhoatoys.com



Scan me!

MỞ ĐẦU

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị 04

01

PHẦN 1. THÔNG TIN CHUNG 07

Thông tin khái quát 08
 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 10
 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh 16
 và bộ máy quản lý
 Định hướng phát triển 20
 Các rủi ro 24

02

PHẦN 2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022 27

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 28
 Tổ chức và nhân sự 31
 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án 34
 Tình hình tài chính 36
 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu 39
 Báo cáo tác động đến môi trường và các hoạt động xã hội của công ty 42

03

PHẦN 3. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 43

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 44
 Tình hình tài chính 46
 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý 49
 Kế hoạch tăng trưởng, phát triển sản xuất kinh doanh trong năm 2023 50
 Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán 52
 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội 52

04

PHẦN 4. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 53

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty 54
 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc 55
 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị 55

05

PHẦN 5. QUẢN TRỊ CÔNG TY 57

Hội đồng quản trị 58
 Ban Kiểm soát 62
 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát 64
 Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty 66

06

PHẦN 6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY 69

Tác động lên môi trường 70
 Quản lý nguồn nhiên liệu 70
 Tiêu thụ năng lượng 71
 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường 71
 Chính sách liên quan đến người lao động 72
 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương 72

07

PHẦN 7. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 73



ÔNG ĐOÀN HƯƠNG SƠN | CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thông điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa quý cổ đông, các khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ công nhân viên của Nam Hoa,

Trong suốt thời gian hình thành, xây dựng và phát triển của Nam Hoa, chúng ta đã đạt được sự phát triển, tăng trưởng hết sức ổn định và vững chắc nhờ sự tận trọng, chắc chắn trong điều hành kinh doanh, nhờ sự ủng hộ của Quý khách hàng và các Cơ quan quản lý, cũng như sự tin tưởng của Quý Cổ đông và tập thể cán bộ công nhân viên toàn công ty.

Đặc biệt trong hai năm 2021 và 2022 vừa qua, mặc dù tình hình đại dịch Covid và biến động khủng hoảng của hệ thống kinh tế thế giới cũng như trong nước đã ảnh hưởng khá nhiều đến các kế hoạch và tình hình sản xuất kinh doanh của Nam Hoa nói riêng cũng như các doanh nghiệp Việt Nam nói chung, nhưng chúng ta vẫn có được hiệu quả sản xuất kinh doanh tích cực. Chúng ta vẫn đảm bảo mức cổ tức 15% là khá cao trong thời điểm này, đồng thời giữ lại 13,5% lợi nhuận dự phòng chưa phân phối cho năm sau. Doanh thu, lợi nhuận vẫn tăng trưởng, đời sống cán bộ công nhân viên được đảm bảo, công ty luôn hoàn thành tốt nghĩa vụ thuế và tài chính với nhà nước, các ngân hàng và đối tác liên quan.

Với dự báo triển vọng kinh tế trong nước và nước ngoài trong năm 2023 còn nhiều bất định, mặt bằng lãi suất tăng cao, sức mua và tiêu thụ giảm đáng kể đối với hầu hết các lĩnh vực thì Nam Hoa chắc chắn sẽ chịu ảnh hưởng ít nhiều. Đặc biệt là thị trường và lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Nam Hoa khá chuyên biệt và có tỉ trọng xuất khẩu phần lớn.

Do vậy với quan điểm tận trọng đảm bảo sự an toàn cho nguồn vốn của cổ đông và ổn định cho sản xuất kinh doanh và đời sống cán bộ công nhân viên. Công ty sẽ chú trọng tiết giảm chi phí, nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng thêm danh mục sản phẩm, đầu tư vào các mảng có doanh thu dịch vụ ổn định, tích lũy nguồn lực đợi các cơ hội tích cực. Đồng thời hạn chế các hợp đồng, đối tác có nguy cơ yếu kém về thanh khoản nhằm đảm bảo yếu tố tăng trưởng một cách an toàn cho công ty.

Tôi tin tưởng rằng với nỗ lực của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và tập thể cán bộ công nhân viên, Nam Hoa sẽ vững bước ổn định và phát triển trong năm 2023 và những năm sắp tới. Một lần nữa tôi xin trân trọng cảm ơn sự tin tưởng ủng hộ quý báu của Quý Cổ đông, Khách hàng, đối tác và các cơ quan lý nhà nước dành cho công ty.

Trân trọng.

Thay mặt Hội đồng quản trị
ĐOÀN HƯƠNG SƠN
Chủ tịch Hội đồng quản trị



PHẦN 1. THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT	08
NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH	10
THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ	16
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	20
CÁC RỦI RO	24

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

TÊN GIAO DỊCH	• CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA
TÊN TIẾNG ANH	• NAM HOA TRADING AND PRODUCTION CORPORATION
TÊN VIẾT TẮT	• Nam Hoa Corp.
VỐN ĐIỀU LỆ	• 240.281.690.000 đồng (Hai trăm bốn mươi tỷ hai trăm tám mươi một triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng)
ĐỊA CHỈ	• 71/4A đường Hiệp Thành 13, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
DIỆN THOẠI FAX	• (84-24) 3711 2054 (84-24) 3711 2055
WEBSITE	• www.namhoatoys.com
GIẤY ĐĂNG KÝ KINH DOANH	• 0303292182
MÃ CỔ PHIẾU	• NHT
SÀN GIAO DỊCH	• Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE)

Quá trình HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Tiền thân của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa là cơ sở sản xuất tư nhân về kinh doanh đồ chơi trẻ em từ đầu những năm 90.



Với hơn 28 năm hình thành và phát triển, các sản phẩm sản xuất của Nam Hoa được tiêu thụ rộng rãi trên thị trường quốc tế như: Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc... Nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm, Nam Hoa phải tuân thủ và đáp ứng các tiêu chuẩn quản lý chất lượng khắt khe theo từng thị trường như: ISO 9001 – 2008 (New version); GS; GE; ST (Japan); KPS (Korea); EN 71 (Europe); ASTM F963 (United States)... Điều này cũng góp phần khẳng định vị thế và thương hiệu của Nam Hoa.

Ngày 18/05/1993, Đơn vị chuyển đổi từ cơ sở sản xuất tư nhân thành Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất và Thương mại Nam Hoa theo giấy đăng ký kinh doanh số 052665 do Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động kinh doanh chính trong sản xuất đồ chơi bằng gỗ, đồ gỗ nội thất, đồ gỗ gia dụng và đèn trang trí.

Sản phẩm đồ chơi trẻ em bằng gỗ của Nam Hoa đã được xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc. Đến năm 1996, sản phẩm đồ chơi bằng gỗ của Nam Hoa đã được xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản.

Nam Hoa đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO và được chấp chứng chỉ chất lượng 9001:2000. Đây là hệ thống tiêu chuẩn về quản lý chất lượng sản phẩm được công nhận trên toàn thế giới. Khi có được chứng chỉ ISO 9001, chứng tỏ doanh nghiệp có hệ thống quản lý chất lượng hiệu quả và đáp ứng những tiêu chuẩn chung của quốc tế.

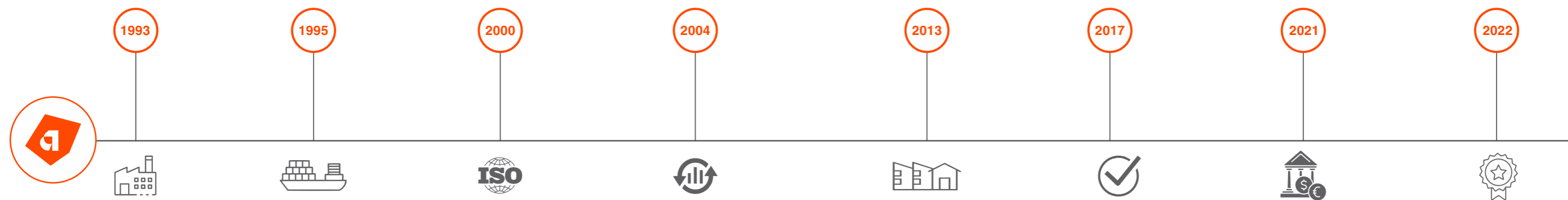
Ngày 11/05/2004, với mục tiêu phát triển doanh nghiệp và mở rộng hoạt động kinh doanh, Nam Hoa chuyển đổi mô hình hoạt động sang hình thức công ty cổ phần với số vốn điều lệ là 16.000.000.000 (Mười sáu tỷ đồng) theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002302 do Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty tập trung vào hoạt động kinh doanh cốt lõi là sản xuất đồ chơi bằng gỗ.

Nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất và kinh doanh ngày càng tăng cao, năm 2013 Nam Hoa đã tiến hành đầu tư xây dựng mở rộng nhà máy tại Quận 12 với 4 tầng lầu và diện tích sử dụng 8.000 m2. Công suất nhà máy đạt 150x40 containers/năm tương đương 1,2 triệu sản phẩm/năm.

Công ty đã hoàn thành việc đăng ký chứng khoán theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 62/2017/GCNCNCP-VSD ngày 09/03/2017 và được giao dịch Upcom từ ngày 01/12/2017 với mã chứng khoán là NHT.

Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa niêm yết tại Sở giao dịch Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh vào ngày 10 tháng 11 năm 2021.

Ngày 28/04/2022, Nam Hoa vinh dự được đón nhận giấy khen từ Giám đốc Bảo hiểm xã hội thành phố Hồ Chí Minh vì đã có thành tích trong công tác tuyên truyền, phối hợp, thực hiện tốt chính sách BHXH – BHYT – BHTN cho người lao động năm 2021. Điều này đã thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Nam Hoa đối với người lao động, phù hợp với phương châm và tinh thần của Công ty trong việc lấy con người là nền tảng chính của sự phát triển.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Nam Hoa là một trong những công ty hàng đầu Việt Nam chuyên sản xuất và xuất khẩu đồ chơi trẻ em làm bằng gỗ. Khác với các nhà sản xuất đồ chơi thông thường, sản phẩm đồ chơi của Nam Hoa ra đời nhằm giúp trẻ em vừa chơi, vừa học nên còn được gọi là “đồ chơi trí tuệ”. Các sản phẩm đồ chơi trẻ em của Nam Hoa có tính giáo dục cao được thiết kế dựa trên tâm lý, giáo dục và nghiên cứu vật lý.

Những sản phẩm này được phân loại theo độ tuổi, theo định hướng tập trung phát triển để giúp cha mẹ dễ dàng lựa chọn những món đồ chơi thích hợp nhất cho trẻ em của họ.



Sản phẩm của Nam Hoa là sản phẩm liên quan đến việc phát triển cao cho trẻ em từ 6 tháng tuổi đến 6 tuổi. Những sản phẩm bao gồm đồ chơi khối, đồ chơi gỗ, ngôi nhà búp bê cùng với nội thất, tàu động vật, những bộ hoa quả, hộp phân loại, tàu lượn, xe tập đi cho em bé, bàn, ghế, giường em bé và nhiều đồ chơi và đồ nội thất khác dành cho trẻ em.

Nam Hoa cũng tạo nên sự khác biệt so với những đồ chơi tại các công ty khác trong khu vực bởi khả năng thiết kế. Nam Hoa có đội ngũ thiết kế và kỹ thuật với nhiều năm kinh nghiệm và sáng tạo và luôn tạo ra những sản phẩm chất lượng khá cao trên thị trường.



Hiện tại, sản phẩm của Nam Hoa được chia làm các nhóm hàng chính như sau:

NHÓM HÀNG ĐỒ CHƠI TRẺ EM (TOYS)

Là những mặt hàng đồ chơi trẻ em đơn giản và thông dụng được Nam Hoa thực hiện bằng gỗ. Đó là những ngôi nhà, xe cứu hỏa, xe cứu thương, tàu ...được Nam Hoa thực hiện tinh xảo nhằm giúp trẻ em thông qua việc chơi đùa mà nhận biết được cuộc sống và thế giới bên ngoài.



NHÓM HÀNG GABE

Là tên gọi thân thuộc của đồ chơi Spielgaben, Spielgaben ban đầu được sáng chế bởi Friedrich Froebel – người sáng lập mẫu giáo cũng chính là khởi nguồn của “**Phương pháp giáo dục Montessori**” mà đồ chơi Spielgaben là công cụ để ông thực hiện phương pháp đó.

Spielgaben cũng có một vài điểm giống đồ chơi Lego, là những mảnh ghép đơn lẻ, yêu cầu trẻ phải lắp ráp thành một hình hoàn chỉnh. Tuy nhiên, nếu cái đích mà Lego hướng tới là một khuôn mẫu có sẵn, một đáp số rõ ràng và chỉ có một lời giải đúng thì Spielgaben lại hoàn toàn khác. Bé có thể tự do sáng tạo thành các hình chúng muốn, không có đáp số chung cho từng bộ Spielgaben, vì thế cũng không gò bó trẻ phải lắp ráp thành những khuôn mẫu cụ thể.

Một bộ đồ chơi Spielgaben thường được chia làm 14 phần. Mỗi gabe là một bộ đồ chơi khác nhau, được thiết kế phù hợp với từng lứa tuổi cụ thể. Từ Gabe từ 1 đến 6 được thiết kế theo hình dạng 3D, Gabe số 7 là hình khối 2D, Gate 8 thể hiện bằng các đường (đường thẳng, đường trong), gabe số 9 thể hiện điểm. Còn các Gabe tiếp theo thể hiện sự nâng cấp và kết hợp chung của những Gabe cấp thấp.



NHÓM HÀNG ĐỒ TRANG TRÍ

Bao gồm các sản phẩm bằng gỗ tinh xảo vừa có thể dùng để trang trí trong nhà vừa có thể xem là các món đồ chơi cho trẻ em. Vật liệu được Nam Hoa Decor sử dụng dùng để thiết kế các sản phẩm đồ trang trí là từ gỗ Sồi, gỗ Óc Chó, gỗ Tần Bì... Đây là các loại gỗ cao cấp, chống mối mọt tốt với độ bền cao, vân gỗ đẹp và thân thiện với môi trường. Màu sắc sản phẩm tinh tế, hài hòa, tạo ra sự sống động khi trang trí cho căn nhà của gia chủ. Bao gồm các sản phẩm bằng gỗ tinh xảo.



Một số sản phẩm đồ trang trí – quà tặng của Nam Hoa

NHÓM DỤNG CỤ ĐỒ DÙNG

Nam Hoa là đơn vị được Stanley Black & Decker – tập đoàn lớn nhất toàn cầu về dụng cụ và thiết bị cầm tay đặt hàng sản xuất riêng mặt hàng cán chừa và hộp đồ nghề bằng gỗ. Sản phẩm của Nam Hoa đã đáp ứng được các tiêu chuẩn khắt khe về chất lượng, được khách hàng tại thị trường Mỹ và Châu Âu tin dùng trong nhiều năm qua.

Office equipment

Office kits
Oak wood SN.06B
(L)320mm X (W)282mm X (H)25mm

Hand phone stand with speaker 04
Rubber wood HPS.04
(L)320mm X (W)282mm X (H)25mm

Hand phone stand with speaker 05
Rubber wood HPS.05
(L)320mm X (W)282mm X (H)25mm

Hand phone stand 13
Rubber wood HPS.13
(L)320mm X (W)282mm X (H)25mm

Hand phone stand 14
Rubber wood HPS.14
(L)320mm X (W)282mm X (H)25mm

Photo frame
Rubber wood SN.09S/SN.09M
(L)320mm X (W)282mm X (H)25mm

Triple photo frame (Large)
Rubber wood SN.12L
(L)320mm X (W)282mm X (H)25mm

Twin photo frame
Rubber wood SN.11S/ML
(L)320mm X (W)282mm X (H)25mm

Hand phone stand 18
Rubber wood HPS.18B
(L)320mm X (W)282mm X (H)25mm

Hand phone stand 20
Rubber wood HPS.20B
(L)320mm X (W)282mm X (H)25mm

Hand phone stand 2 G-N-T-P-Y
HPS.02G/HPS.02N/HPS.02T/
HPS.02P/HPS.02Y
(L)320mm X (W)282mm X (H)25mm

Tablet, laptop stand
Rubber wood TS.02B
(L)320mm X (W)282mm X (H)25mm

NHÓM HÀNG ĐỒ DÙNG NHÀ BẾP

Các thiết bị nhà bếp tại Nam Hoa đều có những thiết kế độc đáo, phù hợp với từng nét văn hoá và nhu cầu của thị trường đem đến những sản phẩm gỗ tự nhiên (có nguồn gốc rõ ràng) và luôn ưu tiên về chất lượng. Sự kết hợp giữa gỗ cao su và gỗ óc chó (walnut) cho sản phẩm Nam Hoa đã mang đến thiết kế tinh tế, sang trọng.



NHÓM ĐỒ FURNITURE (ĐỒ NỘI THẤT)

Đa số đồ nội thất hiện nay của Nam Hoa là nội thất dành cho các bé thiếu nhi từ 3 - 10 tuổi. Sản phẩm với nhiều kiểu dáng con vật ngộ nghĩnh, thiết kế sáng tạo và màu sắc tươi sáng. Các đồ nội thất có thể kể đến như: Kệ để đồ đứng hình các con thú dễ thương, khung hình chú nai, móc treo quần áo, thước đo chiều cao, xe dựng đồ chơi, bộ bàn ghế gỗ, ... Các sản phẩm được làm từ gỗ cao su 100% thiên nhiên, có tính dẻo, chống mối mọt tốt, bền bỉ theo thời gian. Hầu hết, các đồ nội thất tại Nam Hoa đều được làm hoàn toàn từ gỗ tự nhiên, vân gỗ đẹp, độ bền cao giúp cho khách hàng hoàn toàn an tâm khi sử dụng. Điều đặc biệt, các sản phẩm đồ nội thất dành cho bé của Nam Hoa Furniture đều được sơn phủ an toàn, không gây hại cho người sử dụng, đảm bảo được sức khỏe cho bé.



ĐỊA BÀN KINH DOANH:

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa hiện đang hoạt động sản xuất kinh doanh tại Thành phố Hồ Chí Minh. Thị trường sản phẩm của Công ty bao gồm cả thị trường trong nước và quốc tế. Trong đó, Công ty chủ yếu xuất khẩu sản phẩm sang thị trường Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc và Úc.

Đồ nội thất bằng gỗ cao cấp của Công Cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê (Công ty con của Nam Hoa) được chủ yếu xuất khẩu sang thị trường Bắc Mỹ như Hoa Kỳ, Canada và một số quốc gia khác như Anh, Úc...



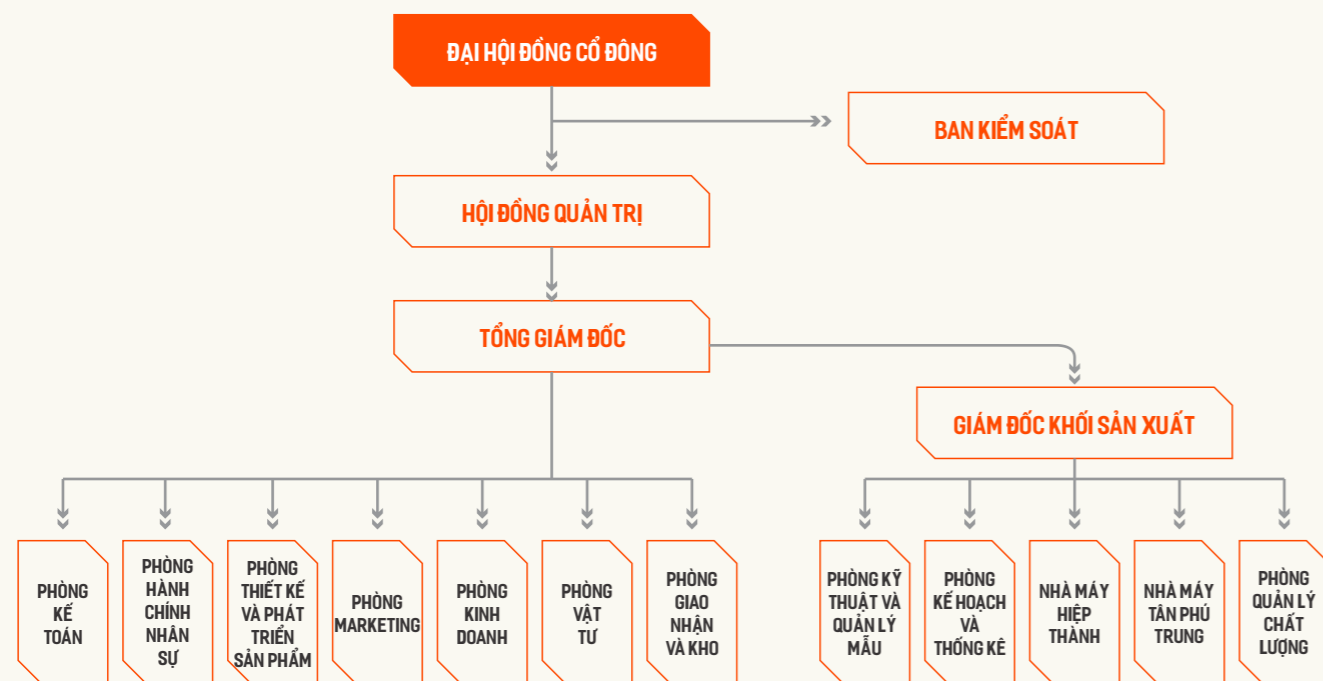
Đồ nội thất cao cấp của Miền Quê

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hiện nay, Nam Hoa đang áp dụng mô hình quản trị theo điểm a, khoản 1, điều 137 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Trong đó có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc.

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông quyết định tổ chức và giải thể Công ty, quyết định định hướng phát triển của Công ty, bầu nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.

BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty, có đầy đủ quyền hạn để thay mặt ĐHĐCĐ quyết định các vấn đề liên quan đến mục tiêu và lợi ích của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc quyền hạn của ĐHĐCĐ. Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc là người điều hành và có quyền quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của công ty cổ phần và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc của Công ty hiện nay là Ông Nguyễn Tiến Thọ.



CÁC PHÒNG BAN, ĐƠN VỊ SẢN XUẤT

Các phòng, ban đơn vị sản xuất thực hiện chức năng tham mưu, quản lý và trực tiếp sản xuất theo chỉ đạo của Tổng Giám đốc.

PHÒNG KẾ TOÁN

Chịu trách nhiệm về mọi hoạt động tài chính, kế toán trong công ty. Đảm bảo tất cả các hoạt động tài chính và kế toán tuân thủ đúng quy định của pháp luật về kế toán, chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán.

PHÒNG HÀNH CHÍNH NHÂN SỰ

Chịu trách nhiệm quản lý các vấn đề về nhân sự trong công ty, các quy định về tiền lương, bảo hiểm xã hội và các chế độ khác của người lao động. Tổ chức thực hiện và xây dựng triển khai các nội quy, quy chế của công ty.

PHÒNG THIẾT KẾ VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM

Chịu trách nhiệm nghiên cứu và thiết kế sản phẩm mới, nghiên cứu và cố vấn cho khách hàng các vấn đề về kỹ thuật, lập các hồ sơ kỹ thuật cho từng sản phẩm được đặt hàng.

PHÒNG MARKETING

Chịu trách nhiệm hoạch định và tổ chức thực hiện các hoạt động về nghiên cứu thị trường, triển lãm, tổ chức sự kiện, thiết kế sản phẩm, bán hàng và đo lường thỏa mãn khách hàng.

PHÒNG KINH DOANH

Chịu trách nhiệm cho việc tìm kiếm khách hàng, bán sản phẩm, giữ vai trò trong việc thúc đẩy, tiếp thị và phân phối sản phẩm ra thị trường.

PHÒNG VẬT TƯ

Chịu trách nhiệm về mọi hoạt động mua nguyên vật liệu, công cụ - dụng cụ, bao bì ...đảm bảo tất cả việc cung ứng vật tư đầu vào đảm ứng đầy đủ và kịp thời cho sản xuất.

PHÒNG GIAO NHẬN VÀ KHO

Chịu trách nhiệm mọi hoạt động giao hàng, nhận hàng và quản lý hàng hóa, thành phẩm, nguyên liệu, công cụ - dụng cụ, bao bì và tất cả vật tư khác theo quy định của công ty.

KHỐI SẢN XUẤT

Chịu trách nhiệm hoạch định, tổ chức kế hoạch mua hàng, tổ chức kế hoạch sản xuất, tổ chức kế hoạch kiểm tra chất lượng từ khâu đầu vào cho đến khi ra thành phẩm.

PHÒNG KỸ THUẬT VÀ QUẢN LÝ MẪU

Chịu trách nhiệm quản trị hệ thống kỹ thuật và quản lý các hoạt động liên quan đến kỹ thuật và công nghệ của doanh nghiệp.

PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Chịu trách nhiệm về việc đưa ra quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm đầu ra và đầu vào, kiểm soát và theo dõi các thực hiện các chương trình quản lý theo iso, 5s, BSCI.

PHÒNG KẾ HOẠCH VÀ THỐNG KÊ

Chịu trách nhiệm lập kế hoạch sản xuất cho từng sản phẩm, nhóm sản phẩm, nhóm đơn hàng và luôn luôn theo dõi ghi chép tổng hợp số lượng thực tế tại từng công đoạn sản xuất sản phẩm theo từng thời gian cụ thể ngày, tháng, năm.



CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa có 01 công ty con và không có công ty liên kết.



NHÀ MÁY HIỆP THÀNH, NHÀ MÁY TÂN PHÚ TRUNG, NHÀ MÁY NAM HOA CỬ CHI

Chịu trách nhiệm sản xuất mộc gia dụng, hàng trang trí nội thất và đồ chơi trẻ em bằng gỗ của Nam Hoa.



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MIỀN QUÊ

Lô số 3, đường 5A Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2, Xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.

Lĩnh vực kinh doanh chính
SẢN XUẤT ĐỒ DÙNG NỘI THẤT TỪ GỖ

Vốn điều lệ đăng ký (đồng)
112.768.000.000

Tỷ lệ sở hữu của NHT trên vốn điều lệ đăng ký
51%

Vốn điều lệ thực góp tại ngày 31/12/2022
112.768.000.000

Tỷ lệ sở hữu của NHT trên vốn điều lệ thực góp
51%

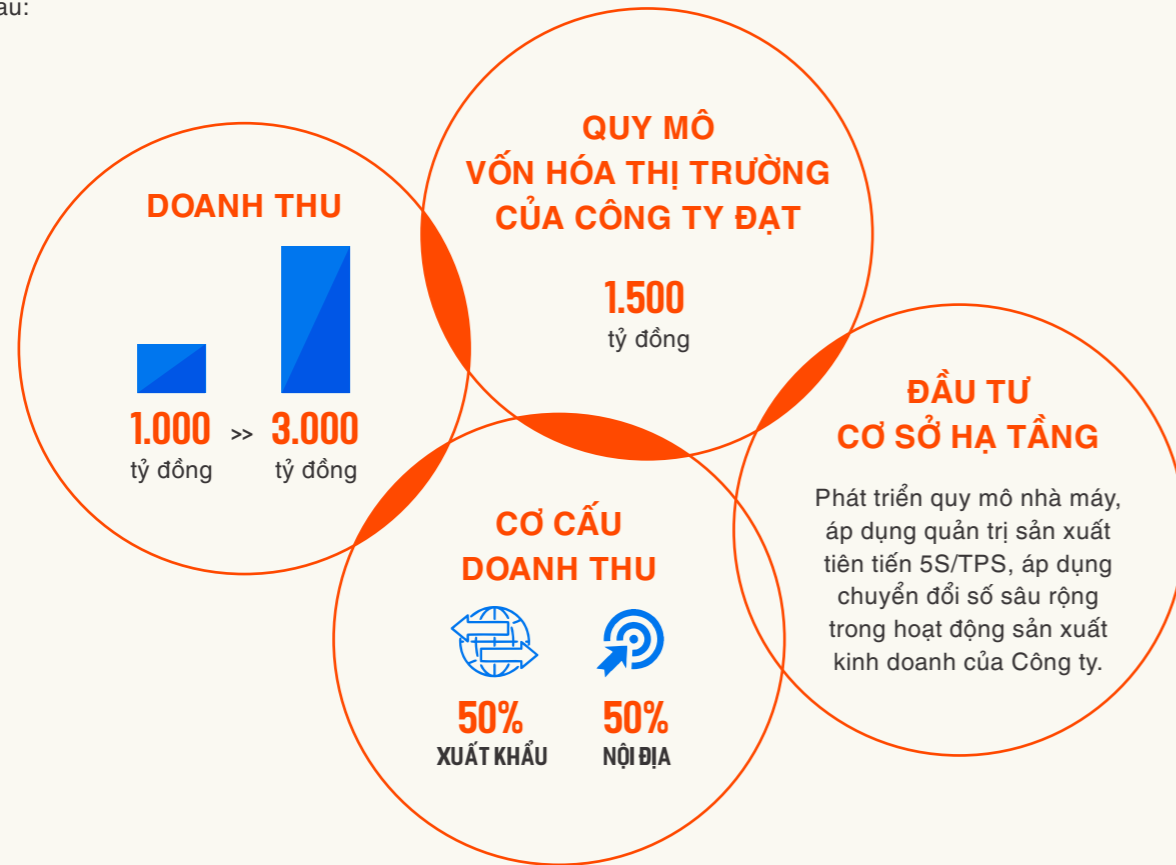
Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê được thành lập vào năm 2001 và chính thức đặt chân vào ngành sản xuất nội thất cao cấp. Kể từ đó, Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê không ngừng tìm kiếm những phương pháp mới để nâng cao trải nghiệm của khách hàng bằng cách cung cấp những sản phẩm không chỉ có chất lượng cao cấp mà còn bao trùm và thể hiện linh hồn của ngành chế biến gỗ Việt Nam ra thị trường toàn cầu. Các sản phẩm của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê chủ yếu được xuất khẩu sang các thị trường lớn như Mỹ, Canada, Anh, Úc, New Zealand). Mục tiêu chính của công ty là trở thành một trong những nhà sản xuất đồ nội thất cao cấp uy tín với phương châm “sản phẩm của chúng tôi, lợi nhuận của bạn”, Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê đã và đang nỗ lực cố gắng để có thể mang sản phẩm của mình đến tất cả các thị trường trên toàn thế giới.

(Nguồn: NHT)

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

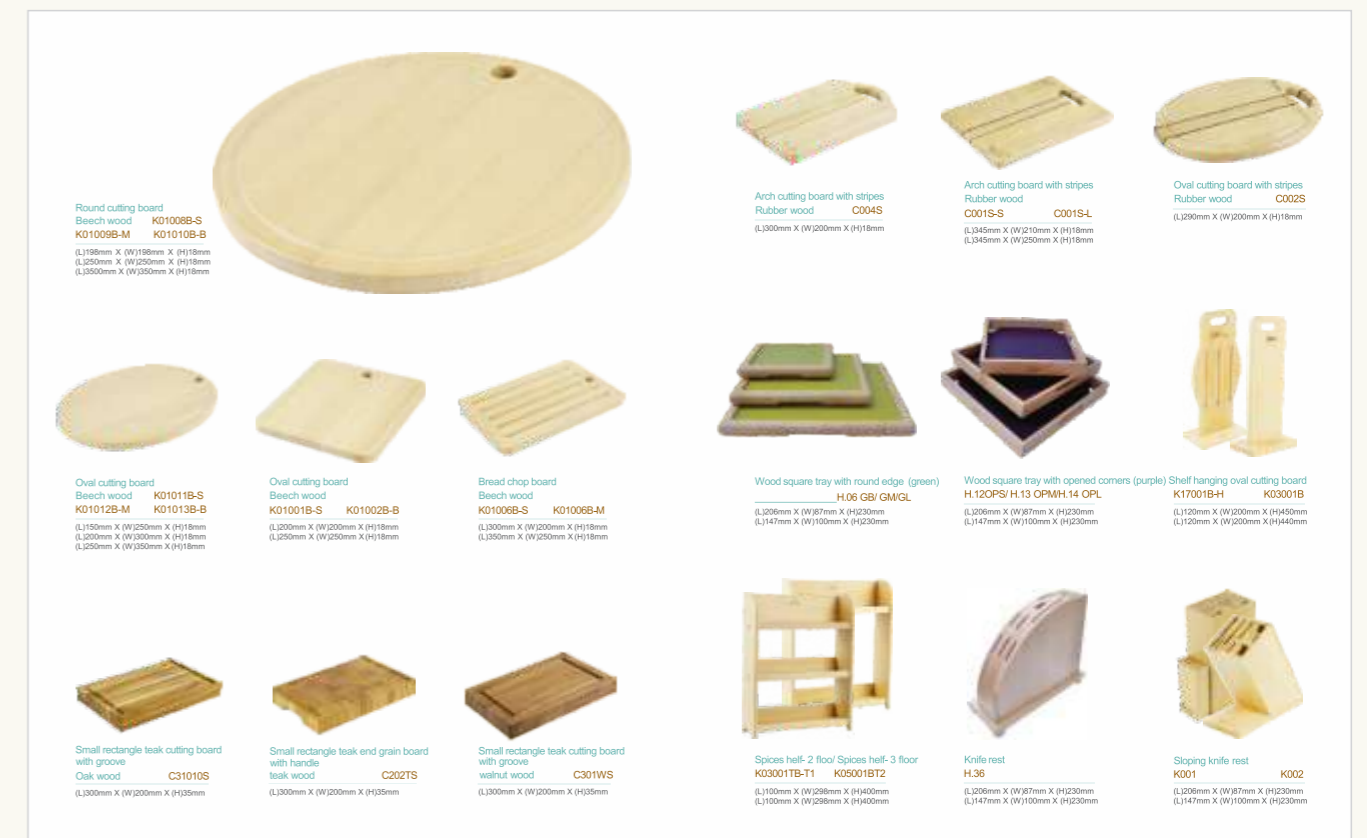
Trong thời gian tới, Công ty đặt kế hoạch chiến lược mở rộng cả về quy mô, điều chỉnh cơ cấu doanh thu, đầu tư cơ sở hạ tầng vật chất hiện đại. Để đạt được kế hoạch đó, Hội đồng quản trị đã đặt ra một số mục tiêu trong giai đoạn đến năm 2025 như sau:



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

CTCP Sản xuất và Thương mại Nam Hoa là một trong những công ty hàng đầu Việt Nam chuyên sản xuất và xuất khẩu đồ chơi trẻ em làm bằng gỗ. Nam Hoa đã đạt vị thế dẫn đầu trong phân khúc sản xuất sản phẩm quà tặng và đồ chơi gỗ cao cấp. Với mong muốn người tiêu dùng tiếp cận các sản phẩm đồ chơi trẻ em bằng gỗ chất lượng, Nam Hoa sẽ tiếp tục đẩy mạnh mở rộng các kênh phân phối, phủ sóng thị trường qua cả kênh trực tuyến lẫn truyền thống. Theo đó Nam Hoa sẽ tập trung nghiên cứu xây dựng các gian hàng trực tuyến trên các kênh thương mại điện tử, đặc biệt là tại thị trường nước ngoài.

Thông qua việc đầu tư vào công ty con là CTCP Sản xuất và Thương mại Miền Quê, Nam Hoa đặt kế hoạch cho bước chuyển tiếp theo là phát triển sâu vào thị trường rộng lớn hơn: sản xuất nội thất gỗ cao cấp, cùng với việc mở rộng tệp khách hàng tên tuổi chủ yếu từ Mỹ với khách hàng tiêu biểu như Ashley Furniture, Jofran Furniture, Whalen Furniture và Modus Furniture.



CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tối đa hóa quyền lợi của cổ đông đồng thời đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty. Đảm bảo cân bằng lợi ích của các bên liên quan khác: khách hàng, cán bộ, nhân viên, đối tác.

Tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường, thực hiện đầy đủ công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường, đảm bảo các Quy chuẩn kỹ thuật môi trường, tiêu chuẩn môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tiến hành thực hiện các biện pháp tiết kiệm năng lượng điện, lượng nước tiêu dùng. Tổ chức thu gom, phân loại, vận chuyển và xử lý rác thải phát sinh hàng ngày. Tổ chức dọn vệ sinh môi trường xung quanh nhà máy của Công ty. Tổ chức và tham gia các hoạt động tạo môi trường xanh, trong lành.

Hoạt động vì mục tiêu phát triển chung của toàn xã hội, gắn sự phát triển của Công ty với đại phương và địa bàn hoạt động. Chung tay vì cộng đồng, chia sẻ khó khăn với các đối tượng chính sách, hộ gia đình khó khăn qua các hoạt động từ thiện. Tạo thêm nhiều công ăn việc làm cho xã hội, quan tâm đến đời sống của người lao động.

Tích cực đóng góp cho Ngân sách nhà nước thông qua việc nộp đầy đủ nghĩa vụ thuế, tiến hành kê khai và nộp đủ, kịp thời các loại thuế, phí tài nguyên, môi trường và bảo vệ môi trường và sự phát triển chung của địa phương, khu vực.



Thông qua việc đầu tư vào công ty con là CTCP Sản xuất và Thương mại Miền Quê, Nam Hoa đặt kế hoạch cho bước chuyển tiếp theo là phát triển sâu vào thị trường rộng lớn hơn: sản xuất nội thất gỗ cao cấp, cùng với việc mở rộng tệp khách hàng tên tuổi chủ yếu từ Mỹ với khách hàng tiêu biểu như Ashley Furniture, Jofran Furniture, Whalen Furniture và Modus Furniture.

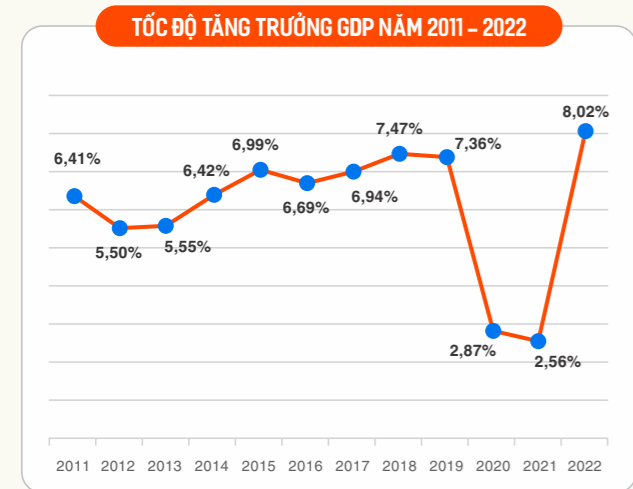


CÁC RỦI RO

RỦI RO VỀ KINH TẾ

Với lĩnh vực kinh doanh chính hiện nay là sản xuất và xuất khẩu đồ chơi trẻ em bằng gỗ, kết quả hoạt động của Công ty phụ thuộc nhiều vào tốc độ tăng trưởng và những diễn biến của nền kinh tế Việt Nam cũng như nền kinh tế toàn cầu.

Trong năm 2022, sau khi dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát, nền kinh tế Việt Nam bắt đầu hồi phục trở lại, tạo điều kiện cho nhiều doanh nghiệp tiếp tục phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo Tổng cục Thống kê, tăng trưởng kinh tế năm 2022 của Việt Nam tăng 8,02 % so với cùng kỳ năm trước, cao nhất trong giai đoạn 2011-2022. Với tốc độ tăng trưởng như trên, Việt Nam được xếp hạng là một trong những quốc gia có tốc độ hồi phục cao nhất trên thế giới trong năm 2022.

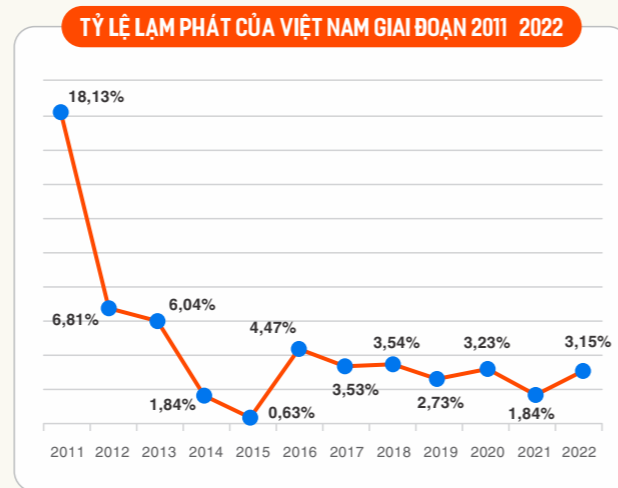


Tuy nhiên, nền kinh tế thế giới lại chịu nhiều biến động hơn so với thị trường trong nước khi một loạt những sự kiện không mong muốn xảy ra như căng thẳng chính trị, chiến tranh Ukraine, lạm phát tăng cao, ... ảnh hưởng nặng nề tới tình hình kinh tế chung. Vì vậy, Nam Hoa luôn quan tâm đến ảnh hưởng của nền kinh tế thế giới đến hoạt động xuất khẩu đồ chơi trẻ em của mình và đồng thời luôn có bộ phận chuyên môn nghiên cứu cũng như bám sát môi trường kinh tế vĩ mô để đưa ra tư vấn cho Ban Điều hành các quyết sách và chiến lược phù hợp.



RỦI RO LẠM PHÁT

Bên cạnh tăng trưởng GDP, chỉ số lạm phát cũng là một yếu tố vĩ mô ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Lạm phát gia tăng sẽ đẩy giá nguyên vật liệu đầu vào cũng như chi phí chung của doanh nghiệp tăng cao, ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp.



Năm 2022 là năm mà nền kinh tế thế giới chứng kiến tỷ lệ lạm phát cao chưa từng có do giá năng lượng tăng cao và các bất ổn chính trị trên toàn cầu. Tuy nhiên, Chính phủ vẫn có thể kiểm chế tỷ lệ lạm phát dưới 4%; thể hiện sự quyết tâm cao độ của Chính phủ trong việc ổn định kinh tế vĩ mô, điều hành giá cả đồng thời thúc đẩy nền kinh tế hậu đại dịch.

Do tác động của lạm phát đến chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, lạm phát luôn là chỉ số vĩ mô mà Công ty quan tâm và theo dõi chặt chẽ để đưa ra các điều chỉnh kịp thời đối với hoạt động kinh doanh của mình.

RỦI RO VỀ LÃI SUẤT

Lãi suất là biến số kinh tế nhạy cảm, sự thay đổi của lãi suất sẽ tác động làm thay đổi hành vi sản xuất và tiêu dùng của xã hội. Đối với một doanh nghiệp, rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí đi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành tùy theo cơ cấu nợ vay của ngành đó.

Trong năm 2022, lãi suất cho vay tăng cao do lạm phát ảnh hưởng tiêu cực đến việc thanh toán của khoản vay và cản trở việc tiếp cận các khoản vay mới của các doanh nghiệp, trong đó có Nam Hoa. Theo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đến Quý IV/2022, lãi suất cho vay bình quân của các ngân hàng thương mại đã vượt ngưỡng 8%/năm. Đây được đánh giá là mức lãi suất rất cao trong một vài năm trở lại đây.

Với mô hình kinh doanh hiện nay của Nam Hoa, việc sử dụng vốn vay là cần thiết. Tuy nhiên, sự biến động lãi suất gây ra rủi ro chi phí đi vay tăng cao ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty. Vì vậy, để hạn chế tác động của lãi suất lên chi phí của Công ty, ban lãnh đạo đã và đang nghiên cứu các kế hoạch tiếp cận các nguồn vốn khác ngoài vốn vay như vốn cổ phần.

RỦI RO VỀ PHÁP LUẬT

Sự ổn định của hệ thống chính trị, luật pháp, chính sách của một quốc gia ảnh hưởng rất lớn đến sự ổn định và khả năng phát triển của các ngành kinh tế nói chung và với Nam Hoa nói riêng. Đối với Nam Hoa, hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, các chính sách thuế, hải quan, và các đạo luật liên quan khác. Với tư cách là một doanh nghiệp đã niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán, Nam Hoa còn chịu tác động bởi hệ thống khung pháp lý của Thị trường chứng khoán Việt Nam. Như vậy, bất kỳ thay đổi bất lợi nào trong hệ thống các văn bản pháp luật này cũng có thể tác động tiêu cực đến hoạt động của doanh nghiệp.

RỦI RO KHÁC

Những rủi ro khác bao gồm các rủi ro không thể dự đoán được như thiên tai, bệnh dịch, chiến tranh, khủng bố, ... là những rủi ro nguy cơ xảy ra rất thấp nhưng có tác động lớn đến tình hình kinh doanh của toàn Công ty. Đây là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của doanh nghiệp.

RỦI RO VỀ TỶ GIÁ ĐỔI HOÁI

Sản phẩm của Nam Hoa chủ yếu tiêu thụ tại thị trường nước ngoài và nguồn nguyên vật liệu chính cho việc sản xuất của Công ty phần lớn là được nhập khẩu. Vì vậy, sự biến động về tỷ giá có tác động lớn đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trong năm 2022, tỷ lệ lạm phát tăng cao khiến Mỹ đã có 3 lần điều chỉnh tăng lãi suất khiến đồng USD tăng giá mạnh, gây áp lực cực lớn đến các đồng tiền khác, trong đó có VND. Trước áp lực USD tăng giá là quá lớn, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã có động thái nới biên độ tỷ giá giao ngay USD/VND từ mức 3% lên 5% đồng thời bán ra lượng lớn USD nhằm ổn định tỷ giá trong nước. Mặc dù năm 2023 được dự đoán vẫn sẽ còn khó khăn trong việc lãi suất hạ nhiệt nhưng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam vẫn luôn thể hiện quyết tâm cao độ để ổn định tỷ giá đổi hoái, phục vụ nhu cầu ngoại tệ của người dân và hoạt động xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp, trong đó có Nam Hoa.

RỦI RO BIẾN ĐỘNG GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU ĐẦU VÀO

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế. Là doanh nghiệp chuyên sản xuất và xuất khẩu đồ chơi bằng gỗ, sử dụng nguồn nguyên vật liệu chính nhập khẩu từ các nước Châu Âu, Mỹ, New Zeland, Châu Phi. Do đó, khi thu mua với cự ly vận chuyển xa, sẽ có rủi ro về cước vận chuyển tăng cao và đặc biệt với thời gian vận chuyển dài sẽ gây áp lực đến dòng tiền và vốn lưu động. Tuy nhiên, chi phí nguyên vật liệu từ gỗ chỉ chiếm từ 20-25% giá vốn sản xuất. Công ty đã có những biện pháp bảo đảm sự ổn định của nguồn nguyên liệu như giữ mối quan hệ với nhiều nhà cung cấp khác nhau, hàng tồn kho nguyên vật liệu trọng yếu đáp ứng được tối thiểu 03 tháng sản xuất liên tục.



02

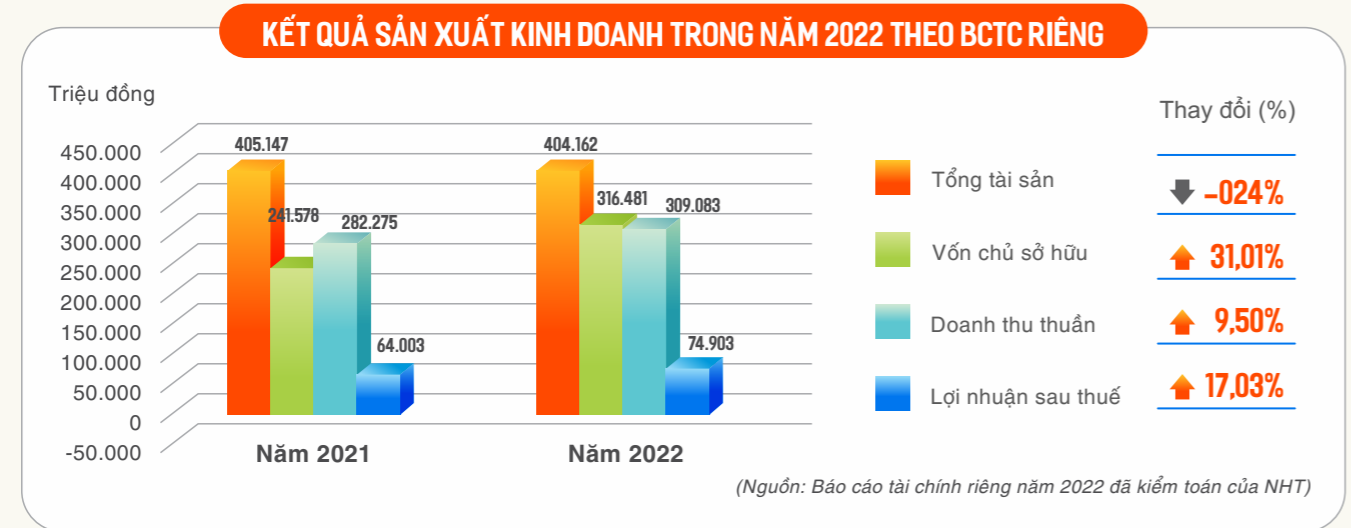
PHẦN 2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	28
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	31
TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN	34
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	36
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU	39
BÁO CÁO TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI CỦA CÔNG TY	42

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

Trong thời gian tới, Công ty đặt kế hoạch chiến lược mở rộng cả về quy mô, điều chỉnh cơ cấu doanh thu, đầu tư cơ sở hạ tầng vật chất hiện đại. Để đạt được kế hoạch đó, Hội đồng quản trị đã đặt ra một số mục tiêu trong giai đoạn đến năm 2025 như sau:



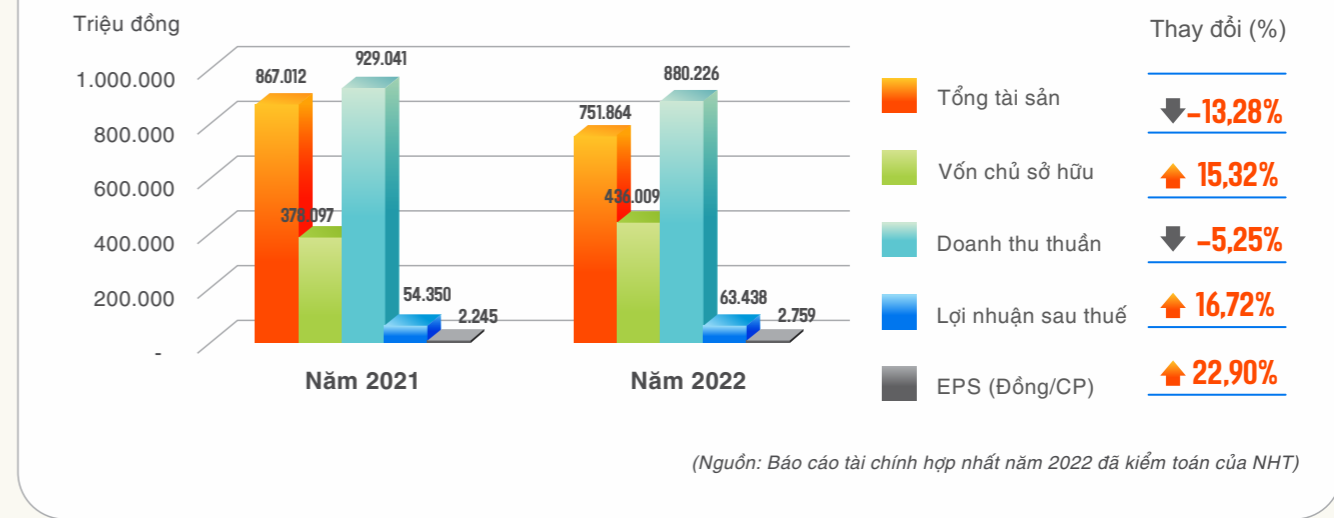
Năm 2022, vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ tăng mạnh 31,01% từ gần 241,6 tỷ lên 316,4 tỷ đồng. Trong khi đó, tổng tài sản của Công ty mẹ chỉ giảm nhẹ 0,24% từ trên 405 tỷ xuống còn 404 tỷ đồng, tức chỉ giảm gần 1 tỷ đồng so với năm 2021. Nguyên nhân là do trong năm, các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn của Công ty mẹ giảm mạnh từ hơn 124,5 tỷ xuống còn 53,7 tỷ đồng, tương đương mức giảm gần 57%.



Về kết quả sản xuất kinh doanh, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ đều ghi nhận mức tăng trưởng dương. Cụ thể, doanh thu thuần tăng trưởng 9,50% so với năm 2021, đạt hơn 309 tỷ đồng. Trong khi đó, lợi nhuận sau thuế tăng trưởng hơn 17,03%, từ 64 tỷ đồng lên hơn 74,9 tỷ đồng. Đạt được kết quả kinh doanh như vậy là do trong năm 2022, mặc dù tình hình kinh tế trong nước và thế giới trải qua nhiều biến động nhưng với vị thế là một nhà sản xuất đồ chơi trẻ em uy tín tại các thị trường nước ngoài, doanh thu từ mảng xuất khẩu sản phẩm vẫn tăng trưởng dương, duy trì vai trò là nguồn doanh thu và tạo lợi nhuận chủ lực của Công ty.



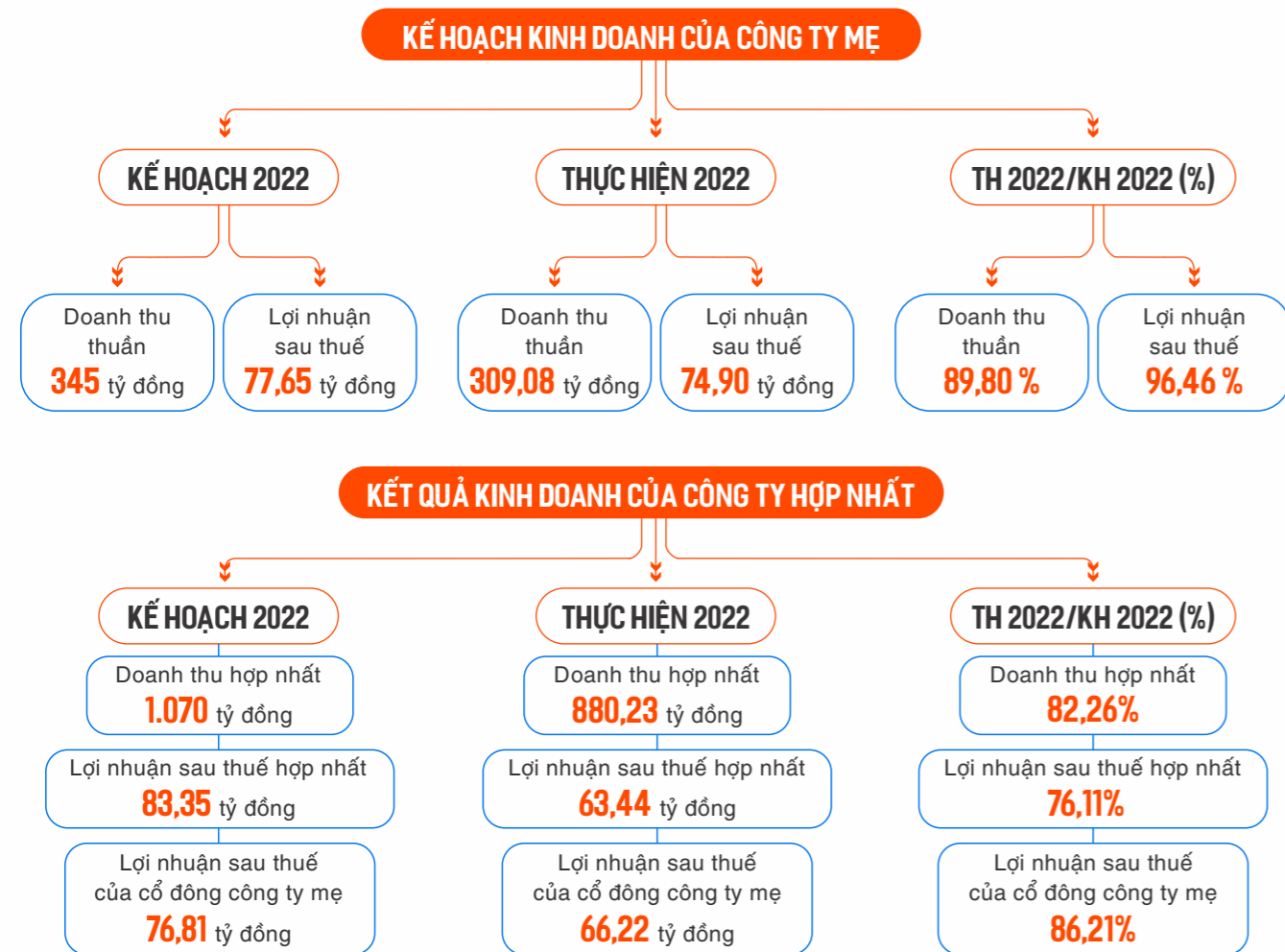
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2022 THEO BCTC HỢP NHẤT



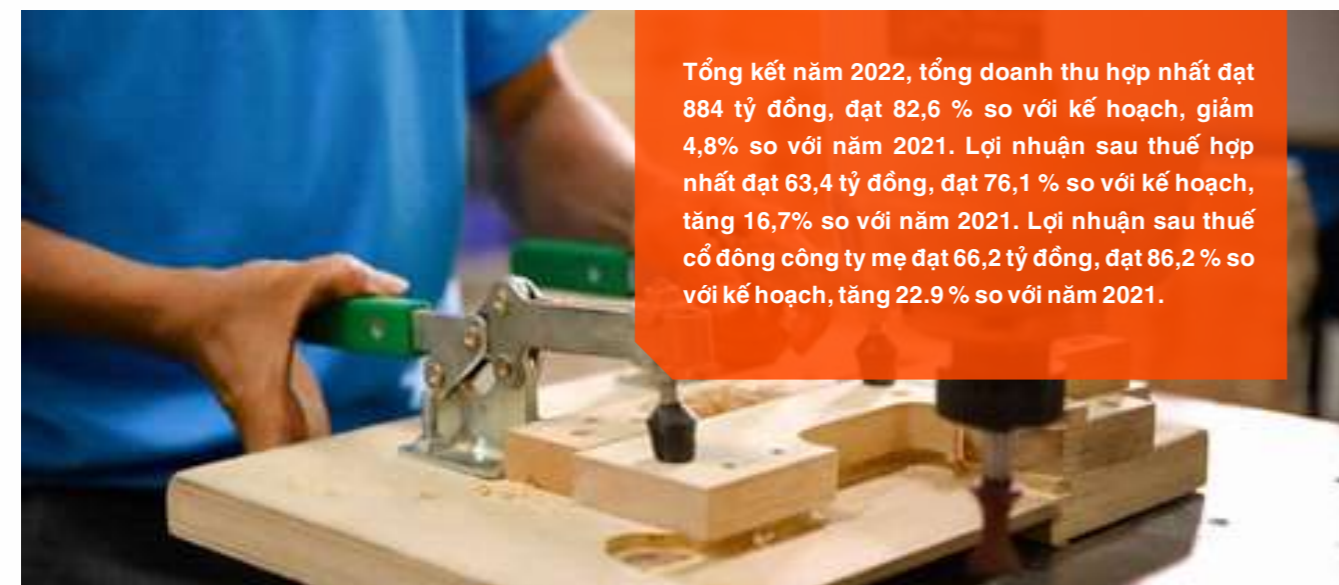
Năm 2022, sau khi hợp nhất kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê, doanh thu thuần của Công ty hợp nhất giảm 5,25% từ mức hơn 929 tỷ đồng xuống còn hơn 880 tỷ đồng. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế của Công ty hợp nhất vẫn tăng trưởng dương, từ 54,3 tỷ đồng trong năm 2021 lên 63,4 tỷ đồng trong năm 2022, tương ứng mức tăng 16,72%. Kết quả như vậy vẫn được coi là dấu hiệu tích cực đối với tình hình sản xuất kinh doanh của Nam Hoa.



KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH SO VỚI KẾ HOẠCH



Nhìn chung, Nam Hoa chưa đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 do Đại hội đồng cổ đông đặt ra. Tuy nhiên, năm 2022 lại được đánh giá là một năm khó khăn chung đối với nền kinh tế, đặc biệt với đặc thù là một doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu đồ chơi, lạm phát và biến động tỷ giá ảnh hưởng rất lớn đến chi phí sản xuất và kinh doanh của doanh nghiệp. Trong bối cảnh đó, Nam Hoa vẫn gần như đạt được kế hoạch kinh doanh khi doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ đạt lần lượt 89,8% và 96,46% so với kế hoạch, thể hiện sự nhạy bén, linh hoạt và tập trung cao độ trong công tác điều hành của ban lãnh đạo Nam Hoa.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành của Công ty bao gồm 04 thành viên, gồm 01 Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc và 01 Kế toán trưởng, thực hiện các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty.



ÔNG NGUYỄN TIẾN THỌ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Năm sinh: 1974
- Ngày bổ nhiệm: 30/12/2017
- QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:**

- 1996 - 2003** Công ty liên doanh Unilever - Việt Nam
Trưởng khu vực kinh doanh
- 2004 - 2010** Unza Việt Nam
Giám đốc kinh doanh
- 2011 - 2012** Beiersdorf Việt Nam
Giám đốc kinh doanh
- 2013 - 2014** Jollibee Việt Nam
Giám đốc phát triển kinh doanh
- 2015 - 2016** L'Oreal Việt Nam
Giám đốc thương mại
- 2017** Alliance Laundry Việt Nam
Tổng Giám đốc
- 2018 - NAY** Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa
Tổng Giám đốc - Thành viên HĐQT



ÔNG LƯU VŨ SƠN PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy
- Năm sinh: 1983
- Ngày bổ nhiệm: 12/05/2022
- QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:**

- 2021 - 2022** Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Nam Hoa
Giám đốc sản xuất
- 2022 - NAY** Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Nam Hoa
Phó Tổng Giám đốc



ÔNG PHẠM VIỆT PHƯƠNG
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

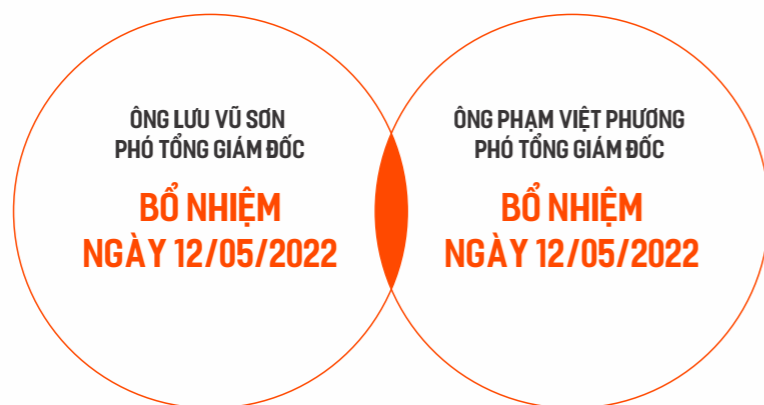
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế
- Năm sinh: 1973
- Ngày bổ nhiệm: 12/05/2022
- QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:**
- 2007 – 2011** Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Nam Hoa
Tổ trưởng mua hàng
- 2011 – 2019** Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Nam Hoa
Phó phòng mua hàng
- 2019 – 2022** Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Nam Hoa
Trưởng phòng mua hàng
- 2022 – NAY** Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Nam Hoa
Phó Tổng giám đốc



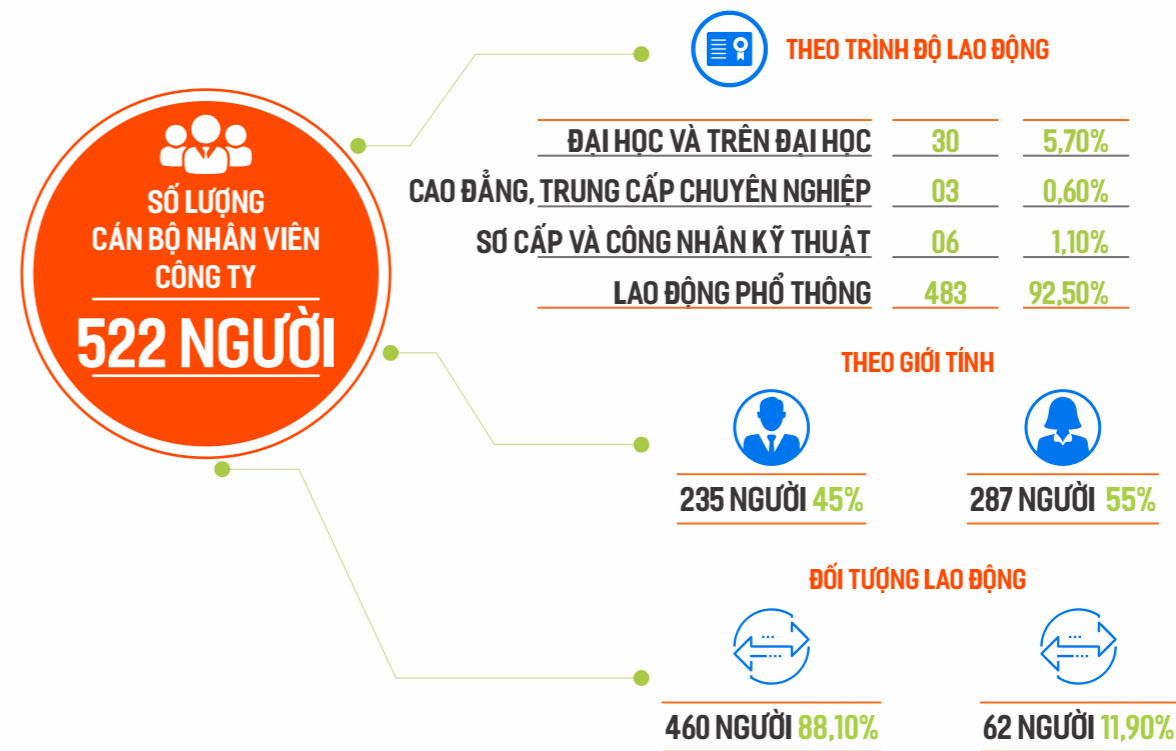
ÔNG NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG
KẾ TOÁN TRƯỞNG

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Năm sinh: 1988
- Ngày bổ nhiệm: 22/09/2020
- QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:**
- 2010 – 9/2020** Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Nam Hoa
Kế toán viên
- 09/2020 – NAY** Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Nam Hoa
Kế toán trưởng

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH:



CƠ CẤU NHÂN SỰ



CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG:

Công ty luôn quan tâm đến đời sống của người lao động, thực hiện đầy đủ về BHXH, BHYT, BHTN, ... khuyến khích người lao động học tập nâng cao trình độ chuyên môn, hiểu biết về xã hội, tạo điều kiện cho người lao động tham gia hoạt động văn hóa, thể thao, ...

Công ty đã giải quyết việc làm cho lao động với mức thu nhập ổn định, thực hiện tốt các chế độ chính sách Nhà nước quy định đối với người lao động và đóng góp đáng kể vào ngân sách Nhà nước.

Chính sách đào tạo nguồn nhân lực: Với phương châm nhân lực là nguồn lực quan trọng nhất tạo nên thành công cho công ty, Công ty luôn chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực với các chính sách đào tạo, tuyển dụng người tài nhằm chọn được những cá nhân tốt nhất cũng như xây dựng được một tập thể vững mạnh. Khuyến khích việc tham gia học tập các lớp học, khóa học do các trường đào tạo.

Tuyển dụng: Với hệ thống quy chế tuyển dụng được ban hành đã tạo ra khung cơ bản nhằm góp phần tuyển chọn những người thực sự có tài góp sức xây dựng Công ty.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN TRONG NĂM 2022

Sản phẩm chủ lực của Nam Hoa là mặt hàng đồ chơi trẻ em bằng gỗ chất lượng cao, có nhiều chi tiết phức tạp, đáp ứng những tiêu chuẩn khắt khe nhất của ngành hàng. Một bộ sản phẩm được tạo ra bao gồm hàng chục chi tiết khác nhau, mỗi chi tiết lại cần từ 16-20 công đoạn sản xuất. Do mức độ phức tạp, hàm lượng chi tiết cao trong sản phẩm, Công ty luôn phải thực hiện cải tiến quy trình sản xuất, hiện đại hóa công nghệ - con người, đảm bảo luôn đáp ứng được nhanh chóng những đòi hỏi khắt khe về mẫu mã, chất lượng sản phẩm từ đối tác.



Để đạt được mục tiêu đó, từ năm 2021 Nam Hoa đã triển khai mô hình Hệ thống quản lý sản xuất TPS để tối ưu hóa năng suất lao động của Công ty. Theo đó mục tiêu chính của Hệ thống TPS mà Nam Hoa đã và đang áp dụng là: Loại bỏ lãng phí, giảm thiểu sự quá tải - thiếu cân bằng trong quy trình, phát triển các quy trình để trở nên trơn tru, linh hoạt trong nỗ lực tối đa việc giảm chi phí sản xuất hết mức có thể. Đồng thời, Triết lý Kaizen và 5S cũng được sử dụng trong quá trình vận hành Nam Hoa để tạo ra sản phẩm chất lượng cao, đáp ứng đúng thời hạn đơn hàng, đảm bảo mức giá cạnh tranh - chất lượng tốt nhất trên thị trường.



Theo thống kê của Ban Tổng Giám đốc, kể từ sau khi áp dụng thành công dự án áp dụng quy trình TPS tại Nam Hoa, năng suất lao động đã tăng 15%, số lượng sáng kiến (Kaizen) tăng 20%. Nhờ năng suất được cải thiện cũng giúp cho làm tăng đáng kể mức bình quân thu nhập người lao động của Nam Hoa.

Tiếp nối thành công của dự án mô hình Hệ thống quản lý sản xuất TPS tại Nam Hoa, trong năm 2022, Công ty đã bắt đầu thực hiện triển khai áp dụng mô hình trên tại công ty con của Nam Hoa - Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê (Miền Quê). Miền Quê đã có nền tảng hoạt động tốt trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm nội thất, Công ty đặt kế hoạch đổi mới mạnh mẽ công nghệ - quy trình sản xuất, cơ sở hạ tầng hiện đại và xây dựng nguồn nhân lực giàu kinh nghiệm với quyết tâm cao sẽ tạo ra sự thay đổi đáng kể về gia tăng lợi nhuận cho Miền Quê.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY CON



Tính đến ngày 31/12/2022, Công ty có duy nhất 01 Công ty con là Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê. Tình hình hoạt động của Công ty con trong năm 2022 như sau:



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY THEO BCTC RIÊNG

CHỈ TIÊU	NĂM 2021	NĂM 2022	TĂNG/GIẢM CỦA NĂM 2022 SO VỚI NĂM 2021 (%)
Tổng giá trị tài sản	405.147	404.162	-0,24
Doanh thu thuần	282.275	309.083	9,50
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	69.321	83.092	19,87
Lợi nhuận khác	1.311	20	-98,47
Lợi nhuận trước thuế	70.632	83.112	17,67
Lợi nhuận sau thuế	64.003	74.903	17,03
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	30%	Dự kiến 15%	-15

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022 được kiểm toán và kế hoạch năm 2023 của NHT)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY THEO BCTC HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	NĂM 2021	NĂM 2022	TĂNG/GIẢM CỦA NĂM 2022 SO VỚI NĂM 2021 (%)
Tổng giá trị tài sản	867.012	751.864	-13,28
Doanh thu thuần	929.041	880.226	-5,25
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	58.114	63.609	9,46
Lợi nhuận khác	3.072	6.589	114,49
Lợi nhuận trước thuế	61.186	70.197	14,73
Lợi nhuận sau thuế	54.350	63.438	16,72

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022 được kiểm toán của NHT)

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY THEO BCTC RIÊNG

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	NĂM 2021	NĂM 2022
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,74	1,33
Hệ số thanh toán nhanh (TSNH - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,41	0,91
CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN			
Tổng nợ/Tổng tài sản	Lần	0,40	0,22
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,67	0,28
CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG			
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	4,10	5,13
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Vòng	0,69	0,76
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (ROS)	%	22,67	24,23
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	26,49	23,67
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	%	15,80	18,53
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	24,56	26,88

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022 được kiểm toán của NHT)

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY THEO BCTC HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	NĂM 2021	NĂM 2022
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,90	1,11
Hệ số thanh toán nhanh (TSNH - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,31	0,49
CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN			
Tổng nợ/Tổng tài sản	Lần	0,56	0,42
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,27	0,72
CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG			
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	3,43	3,43
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Vòng	1,06	1,09
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (ROS)	%	5,85	7,21
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	14,37	14,55
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	%	6,27	8,44
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	6,26	7,23

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022 được kiểm toán của NHT)

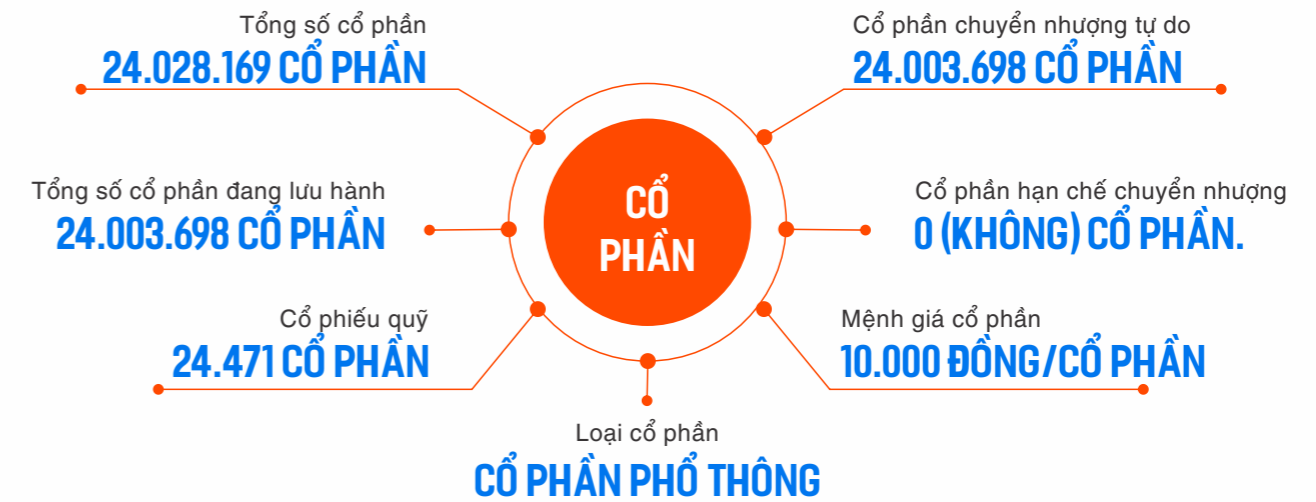
Trong năm 2022, tổng nợ phải trả của Công ty mẹ chỉ chiếm 22% tổng tài sản và 28% vốn chủ sở hữu. Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh đã được cải thiện đáng kể so với năm 2021, lần lượt ở mức 0,91 và 1,33 lần. Điều này cho thấy cơ cấu nguồn vốn của Công ty mẹ khá lành mạnh và rủi ro thanh khoản ở mức thấp.



Năm 2022 là một năm tương đối khó khăn với nền kinh tế nói chung. Tuy nhiên, với vị thế là một công ty sản xuất đồ chơi trẻ em làm bằng gỗ hàng đầu, có uy tín tại nhiều thị trường nước ngoài, doanh thu xuất khẩu sản phẩm của Công ty vẫn giữ được mức tăng trưởng ổn định. Qua đó, các chỉ số phản ánh hiệu quả sản xuất kinh doanh như ROS, ROA và hệ số lợi nhuận thuần từ HĐKD/ Doanh thu thuần đều tăng trong năm 2022, lần lượt đạt 24,23%, 18,53% và 26,88%. Riêng chỉ số ROE trong năm 2022 tuy có giảm nhưng vẫn duy trì ở mức cao so với mặt bằng chung của các doanh nghiệp trong cùng ngành, đạt 23,63%.

Đối với Công ty hợp nhất, chỉ tiêu về khả năng thanh toán và cơ cấu vốn đã được cải thiện so với năm trước. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 0,9 lần lên 1,1 lần và tổng nợ trên vốn chủ sở hữu cũng giảm từ 1,27 lần xuống 0,72 lần cho thấy cơ cấu tài sản ngày càng khỏe mạnh. Về năng lực hoạt động, các chỉ số vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản gần như không thay đổi so với năm trước trong khi các hệ số đo lường khả năng sinh lời của Công ty hợp nhất lại tăng nhẹ. Điều này cho thấy hiệu quả trong sản xuất kinh doanh của Công ty hợp nhất đang được cải thiện so với năm 2021.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (tại thời điểm 31/12/2022)

STT	NHÓM CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG SỞ HỮU (CỔ PHIẾU)	TỶ LỆ (%)
1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0
2	Cổ đông trong nước	421	22.803.559	94,90
	- Tổ chức	5	43.947	0,18
	- Cá nhân	416	22.759.612	94,72
3	Cổ đông nước ngoài	12	1.200.139	5,00
4	Cổ phiếu quỹ	1	24.471	0,10
	Tổng cộng	434	24.028.169	100

SỞ HỮU CỔ ĐÔNG LỚN (tại thời điểm 31/12/2022)

STT	TÊN TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN	SỐ CMND/ HỘ CHIẾU/ĐKKD	ĐỊA CHỈ	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Ông Đoàn Hương Sơn	001073031865	101-F8 TTDC và ĐL, Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	5.864.212	24,41
2	Ông Lê Duy Anh	012936782	P503-C1B TT Rau Quả, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	3.120.000	12,98
3	Bà Bùi Thị Hiền	019174002505	P503-C1B TT Rau Quả, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	2.398.206	9,98
4	Bà Trần Thị Thanh Hương	025179000021	1407, tòa E1, Ciputra, Xuân Đỉnh, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	1.560.000	6,49
Tổng cộng				12.942.418	53,86

TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGƯỜI TỐI ĐA

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của CTCP Sản xuất và Thương mại Nam Hoa theo quy định của pháp luật là 50%.

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU** tính đến 31/12/2022

THỜI GIAN	GIÁ TRỊ VỐN TĂNG/GIẢM	VỐN ĐIỀU LỆ SAU KHI TĂNG/GIẢM	HÌNH THỨC PHÁT HÀNH	ĐƠN VỊ CHẤP THUẬN
11/05/2004	-	16.000.000	Thành lập công ty	Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh
18/06/2004	5.333.400	21.333.400	Phát hành thêm cổ phần	Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh
16/11/2007	8.806.500	30.139.900	Phát hành tăng vốn từ nguồn thặng dư vốn cổ phần cho cổ đông hiện hữu	Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh
05/04/2010	15.835.300	45.975.200	Phát hành cổ phần cho CBCNV và nhà đầu tư chiến lược	Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh
09/09/2016	8.979.710	54.954.910	Phát hành tăng vốn từ nguồn thặng dư vốn cổ phần cho cổ đông hiện hữu	Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
20/09/2018	13.667.090	68.622.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
07/06/2019	34.193.180	102.815.180	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
17/04/2020	51.290.230	154.115.410	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
27/01/2022	30.773.550	184.888.960	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
14/11/2022	55.392.730	240.281.690	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Đơn vị: 1.000 VND

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Đến thời điểm 31/12/2022, Công ty có 24.471 cổ phiếu quỹ.
Trong năm 2022, Công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ.

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Đánh giá liên quan đến chỉ tiêu môi trường: Công ty luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong năm 2022:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Năm 2022, Công ty luôn chăm lo đời sống cho Người lao động, thực hiện đầy đủ chế độ thưởng các ngày lễ trong năm, sinh nhật, sinh hoạt tập thể nhằm gắn kết Người lao động tạo sức mạnh to lớn để hoàn thành toàn diện các mục tiêu kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh ý thức thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường hướng đến sự phát triển bền vững, Công ty còn quan tâm tới các hoạt động nhân đạo, từ thiện, đến ơn đáp nghĩa với mong muốn đóng góp vì một cuộc sống chất lượng hơn - hạnh phúc hơn.



PHẦN 3. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	44
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	46
NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ	49
KẾ HOẠCH TĂNG TRƯỞNG, PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2023	50
GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN	52
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI	52



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2022 là năm nền kinh tế Việt Nam bắt đầu hồi phục trở lại sau khi bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid 19. Tuy nhiên, sự hồi phục của nền kinh tế lại bị thách thức bởi tình trạng bất ổn chính trị trên toàn thế giới, sự leo thang của giá cả và sự khó khăn của thị trường tài chính trong nước. Mặc dù phải chịu sự ảnh hưởng từ những khó khăn chung nhưng kết quả đạt được đã thể hiện nỗ lực và sự quyết tâm rất lớn của ban điều hành và toàn thể công ty.



CHỈ TIÊU	KH 2022	TH 2022	TH 2022/KH 2022 (%)
KẾ HOẠCH KINH DOANH CỦA CÔNG TY MẸ			
Doanh thu thuần	345	309,08	89,80
Lợi nhuận sau thuế	77,65	74,90	96,46
KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY HỢP NHẤT			
Doanh thu hợp nhất	1.070	880,23	82,26
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	83,35	63,44	76,11
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	76,81	66,22	86,21

Đơn vị: tỷ đồng



Nhìn chung, kết quả kinh doanh chưa đạt được kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đề ra nhưng đây được đánh giá là kết quả kinh doanh khả quan trong bối cảnh Công ty phải đối mặt với khó khăn chung của nền kinh tế. Cụ thể, doanh thu thuần của Công ty mẹ và hợp nhất lần lượt đạt 309,08 tỷ và 880,23 tỷ đồng trong năm 2022, hoàn thành 89,8% và 82,26% kế hoạch. Động lực doanh thu chính của Nam Hoa trong năm 2022 đến từ xuất khẩu sản phẩm, khi mảng này đem lại hơn 301,68 tỷ đồng cho Công ty mẹ, tăng 11,4% so với mức 270,66 tỷ đồng trong năm 2021.

Song song với doanh thu, Nam Hoa cũng kiểm soát tốt chi phí, dẫn đến kết quả lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ vẫn bám sát kế hoạch đề ra khi đạt 74,90 tỷ đồng, xấp xỉ 96,46% kế hoạch.

Bên cạnh sản phẩm chủ lực là đồ chơi bằng gỗ, hiện Nam Hoa đang tích cực mở rộng danh mục sản phẩm sang đồ nội thất và trang trí bằng gỗ khác với chất lượng và mẫu mã không kém cạnh những tên tuổi lớn trên thị trường. Hướng đi này giúp Nam Hoa giảm bớt sự phụ thuộc vào một dòng sản phẩm, giảm thiểu rủi ro thị trường và khai thác những cơ hội kinh doanh mới đem lại lợi nhuận cho Công ty.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

TÌNH HÌNH TÀI SẢN CỦA CÔNG TY THEO BCTC RIÊNG:

STT	TÀI SẢN	31/12/2021	31/12/2022
TÀI SẢN NGẮN HẠN		96.990	106.322
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	19.805	17.286
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	6.041
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	30.227	35.891
4	Hàng tồn kho	43.379	33.536
5	Tài sản ngắn hạn khác	3.579	13.568
TÀI SẢN DÀI HẠN		308.157	297.840
6	Các khoản phải thu dài hạn	11	5
7	Tài sản cố định	116.317	109.557
8	Bất động sản đầu tư	22.173	20.754
9	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	136.505	136.505
10	Tài sản dài hạn khác	33.152	31.019
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		405.147	404.162

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022 được kiểm toán của NHT)

Đơn vị: triệu đồng



TÌNH HÌNH TÀI SẢN CỦA CÔNG TY THEO BCTC HỢP NHẤT:

STT	TÀI SẢN	31/12/2021	31/12/2022
TÀI SẢN NGẮN HẠN		376.248	302.097
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	20.444	25.342
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4.968	22.331
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	94.357	67.002
4	Hàng tồn kho	245.281	170.385
5	Tài sản ngắn hạn khác	11.199	17.037
TÀI SẢN DÀI HẠN		490.764	449.767
6	Các khoản phải thu dài hạn	209	203
7	Tài sản cố định	314.372	285.291
8	Bất động sản đầu tư	22.173	20.754
9	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	3.933	-
10	Tài sản dài hạn khác	150.077	143.519
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		867.012	751.864

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022 được kiểm toán của NHT)

Đơn vị: triệu đồng

Tổng tài sản hợp nhất tại thời điểm cuối năm 2022 giảm 15,32% so với thời điểm cuối năm 2021 từ hơn 867 tỷ đồng xuống còn xấp xỉ 752 tỷ đồng. Mức giảm tài sản chủ yếu tập trung ở hàng tồn kho và giá trị tài sản cố định. Ngoài ra, tài sản của công ty cũng chủ yếu tập trung tại hàng tồn kho và tài sản cố định khi giá trị 2 khoản mục này lần lượt đạt 170,38 tỷ và 285,29 tỷ đồng.



TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ CỦA CÔNG TY THEO BCTC RIÊNG:

STT	CHỈ TIÊU	31/12/2021	31/12/2022
I	NỢ NGẮN HẠN	131.888	79.665
1	Phải trả người bán ngắn hạn	7.422	12.329
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12.100	2.630
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.400	8.239
4	Phải trả người lao động	7.877	7.275
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	7.349	444
6	Phải trả ngắn hạn khác	179	1.447
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	94.561	47.302
II	NỢ DÀI HẠN	31.681	8.016
1	Phải trả dài hạn khác	1.682	1.582
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	29.999	6.435
TỔNG CỘNG		163.569	87.681

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022 được kiểm toán của NHT)

Đơn vị: triệu đồng

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ CỦA CÔNG TY THEO BCTC HỢP NHẤT:

STT	CHỈ TIÊU	31/12/2021	31/12/2022
I	NỢ NGẮN HẠN	419.158	271.298
1	Phải trả người bán ngắn hạn	58.109	45.821
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.659	2.716
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.318	8.460
4	Phải trả người lao động	25.371	13.374
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	7.707	444
6	Phải trả ngắn hạn khác	9.153	2.914
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	300.843	197.569
II	NỢ DÀI HẠN	69.757	44.558
1	Phải trả dài hạn khác	2.475	3.782
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	31.698	6.834
3	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	35.584	33.942
TỔNG CỘNG		488.915	315.856

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022 được kiểm toán của NHT)

Đơn vị: triệu đồng

Tổng nợ của Công ty hợp nhất đã giảm từ gần 489 tỷ đồng trong năm 2021 xuống còn xấp xỉ 316 tỷ đồng trong năm 2022, tương đương với mức giảm 35,4%. Mức giảm này chủ yếu đến từ các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty. Cụ thể, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn giảm từ 300,84 tỷ đồng xuống chỉ còn 197,57 tỷ đồng trong khi vay và nợ thuê tài chính dài hạn cũng chứng kiến sự sụt giảm đáng kể từ 31,69 tỷ đồng xuống còn 6,83 tỷ đồng trong năm 2022. Việc trả được tương đối các khoản nợ được đánh giá là dấu hiệu tích cực đối với cơ cấu tài chính của Công ty trong bối cảnh lãi suất thị trường đang rất cao như hiện nay; giúp Công ty giảm thiểu chi phí tài chính và lãi vay.

Các khoản nợ phải trả ngắn hạn vẫn nằm trong tầm kiểm soát, Công ty cũng đã làm việc tích cực với các đối tác và có lộ trình thanh toán cụ thể. Do vậy trong ngắn hạn các khoản nợ phải trả không ảnh hưởng quá nghiêm trọng đến khả năng thanh toán của Công ty.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

CẢI TIẾN VỀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Trong năm 2022, Công ty đã từng bước cải thiện cơ cấu tổ chức và quản lý theo hướng tinh gọn, hiệu quả, chuyên môn hóa cao, dần tách biệt quản trị công ty với quản lý điều hành sản xuất kinh doanh.

Một trong những yếu tố quan trọng về quản trị công ty là sự tham gia cân bằng của các thành viên độc lập, hoặc thành viên không điều hành trong cơ cấu Hội đồng quản trị nhằm nâng cao tính khách quan của cơ quan này trong chức năng giám sát và ra quyết định. Để các thành viên không điều hành hoặc thành viên độc lập phát huy được vai trò giám sát của mình thì bên cạnh việc không tham gia vận hành doanh nghiệp còn cần phải có những kiến thức và kinh nghiệm phù hợp với hoạt động của Công ty. Tại Nam Hoa, Hội đồng quản trị hoạt động với 05 thành viên, trong đó có 1 thành viên không điều hành và 2 thành viên độc lập kết hợp với sự giám sát của Ban Kiểm soát. Nam Hoa định hướng sự độc lập, minh bạch và khách quan trong công tác quản trị để đề ra những chiến lược mang tính phát triển bền vững phù hợp với hoạt động kinh doanh của toàn Công ty, không vì lợi ích riêng của từng cá nhân nào.

CẢI TIẾN VỀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ

Trong năm 2022, Công ty tiếp tục nghiên cứu triển khai các công nghệ mới trong công tác văn phòng và nhà máy bao gồm các phần mềm quản trị nhằm nâng cao tính chính xác, lưu trữ dữ liệu và kịp thời trong công tác quản lý sản xuất - kinh doanh, khai thác tối đa mọi nguồn lực của Công ty, triệt để tiết kiệm, chống thất thoát và gây lãng phí.

Công ty đã triển khai đánh giá lại, cập nhật, hoàn thiện và phổ biến quy trình về công tác xây dựng kế hoạch kinh doanh hàng năm cho các phòng ban cũng như tiếp tục cải tiến và ứng dụng quy trình mới để phục vụ cho công tác hoạch định chiến lược, kiểm soát rủi ro chặt chẽ hơn.

CẢI TIẾN VỀ CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO, PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Với phương châm con người là cốt lõi của sự phát triển, Nam Hoa đã nỗ lực không ngừng để xây dựng Công ty với những người không những phù hợp về năng lực chuyên môn mà còn hòa hợp trong tư duy, văn hóa doanh nghiệp. Bởi lẽ đó đội ngũ cán bộ nhân viên của Nam Hoa đã ngày càng lớn mạnh, sáng tạo, hoàn thiện chuyên môn, kỹ năng. Trong năm 2022, dưới sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc, các hoạt động về nhân sự được triển khai trên những mảng tiêu biểu như sau:

- Tiếp tục duy trì và phát huy các chính sách tốt về lương thưởng, chế độ đãi ngộ, phúc lợi với cán bộ nhân viên.
- Rà soát, đánh giá và thực hiện cải tiến trong hoạt động quản trị nhân sự.
- Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông nội bộ, xây dựng khối đoàn kết gắn bó.
- Tiếp tục bồi đắp và lan tỏa văn hóa doanh nghiệp sâu rộng trong đời sống của cán bộ nhân viên.



KẾ HOẠCH TĂNG TRƯỞNG, PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2023



Trên cơ sở những kết quả đạt được của năm 2023, trước tình hình dự báo đầy biến động của nền kinh tế Việt Nam và thế giới, cùng với năng lực con người, thương hiệu, uy tín của Công ty, Ban điều hành của Nam Hoa xây dựng kế hoạch năm 2023 với những mục tiêu cụ thể như sau:

KẾ HOẠCH KINH DOANH CỦA CÔNG TY MẸ

STT	CHỈ TIÊU	TH 2022	KH 2023	KH 2023/ TH 2022 (%)
1	Doanh thu thuần	309,1	240	-22,35
2	Lợi nhuận sau thuế	74,90	48	-35,92

KẾ HOẠCH KINH DOANH CỦA CÔNG TY HỢP NHẤT

STT	CHỈ TIÊU	TH 2022	KH 2023	KH 2023/ TH 2022 (%)
1	Doanh thu hợp nhất	884,1	536,0	-39,37
2	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	63,4	43,4	-31,66
3	Lợi nhuận sau thuế cổ đông Công ty mẹ	66,2	45,6	-31,10

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2023

VỀ NHÂN SỰ

- ✓ Nâng cao hiệu quả công tác quản trị của cán bộ quản lý đảm bảo hoạt động hiệu quả; quy trình hoạch định công việc rõ ràng, hướng về mục tiêu chung
- ✓ Tiếp tục áp dụng hệ thống lương, thưởng trên cơ sở giao kế hoạch và đánh giá việc thực hiện kế hoạch. Từ đó khuyến khích người lao động cải tiến và phát huy tối đa hiệu suất công việc, đồng thời kích thích tinh thần lao động tích cực của nhân viên
- ✓ Chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo, nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên; đảm bảo hoàn thành tốt nhất yêu cầu ngày càng cao của công việc

VỀ CƠ SỞ HẠ TẦNG & QUẢN TRỊ

- ✓ Triển khai các máy móc thiết bị hiện đại hơn nhằm nâng cao năng lực sản xuất & hiệu quả kinh doanh
- ✓ Tiếp tục thực thi & nâng cao năng lực quản trị nhà máy theo mô hình TPS để duy trì mức tăng năng suất lao động ít nhất 10% hàng năm
- ✓ Đầu tư phần mềm quản trị và đưa vào sử dụng hiệu quả

VỀ CÔNG TÁC SẢN XUẤT

- ✓ Trong năm 2023, Nam Hoa tập trung tăng năng lực sản xuất, đáp ứng tiến độ giao hàng cho khách hàng, tăng cường tuyển công nhân kỹ thuật nhằm sử dụng hiệu quả công suất dây chuyền máy móc thiết bị
- ✓ Tiêu chuẩn hóa quy trình sản xuất, vận hành thiết bị; đổi mới, đầu tư nâng cấp thiết bị hiện có, đảm bảo chất lượng sản phẩm
- ✓ Đào tạo nâng cao tay nghề công nhân, tăng hiệu quả sản xuất và chất lượng sản phẩm
- ✓ Tổ chức quản lý sản xuất hiệu quả tránh lãng phí, giảm tiêu hao vật tư, sử dụng lao động hợp lý nhằm giảm giá thành sản xuất, tăng tính cạnh tranh
- ✓ Báo cáo trên cơ sở kế hoạch sản xuất hàng tuần/tháng/quý và bám sát thực tế sản xuất để kịp thời báo cáo những vướng mắc và đề xuất biện pháp xử lý



GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến giải trình. (Tại Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, ý kiến của kiểm toán là chấp thuận toàn phần)

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Công ty luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong năm 2022:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không



ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Năm 2022 Công ty luôn chăm lo đời sống cho người lao động, thực hiện đầy đủ chế độ thưởng các ngày lễ trong năm, sinh nhật, sinh hoạt tập thể nhằm gắn kết người lao động tạo sức mạnh to lớn để hoàn thành toàn diện các mục tiêu kinh doanh của Công ty.



ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Bên cạnh ý thức thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường hướng đến sự phát triển bền vững, Công ty luôn quan tâm đến các hoạt động thiện nguyện, xã hội do địa phương tổ chức và luôn sẵn sàng hưởng ứng những lời kêu gọi ủng hộ cho cộng đồng.



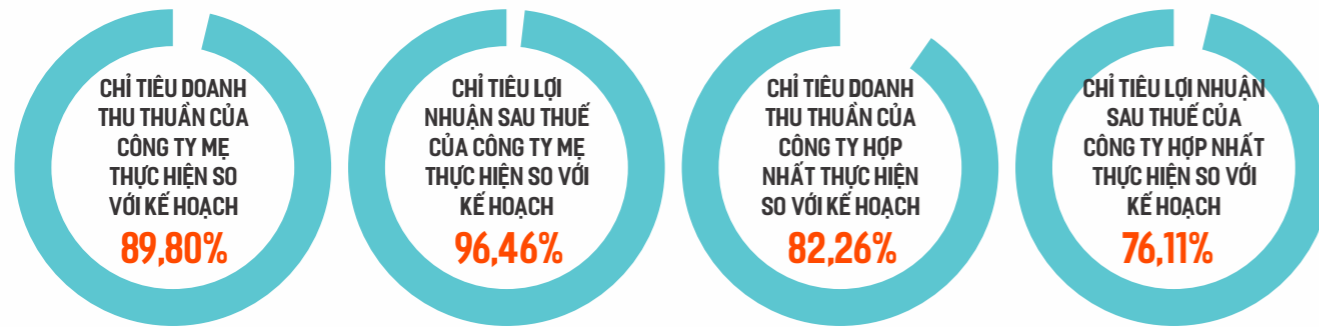
PHẦN 4. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	54
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	55
CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	55

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trên cơ sở đánh giá những thuận lợi và khó khăn, cũng như dựa trên tình hình thực tế, Hội đồng quản trị và đã kịp thời thống nhất và đưa ra kế hoạch hoạt động và kinh doanh. Năm 2022, tuy Công ty chưa hoàn thành kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên đề ra nhưng lại được đánh giá là khả quan trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế. Kết quả đã thể hiện phần nào nỗ lực và sự linh hoạt trong công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc, cụ thể như sau:



Trong năm 2022, bộ máy tổ chức quản lý của Công ty đã ổn định. Công ty đã thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng quy mô về danh mục sản phẩm, đa dạng hóa nguồn thu và tích cực xây dựng thương hiệu của Nam Hoa trên thị trường quốc tế. Với việc chỉ đạo sát sao trong quá trình mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh qua các thương vụ M&A tiềm năng, Nam Hoa định hướng Công ty tìm kiếm các cơ hội mới ngoài mảng xuất khẩu đồ chơi bằng gỗ cốt lõi, lấn sân và mở rộng sang mảng nội thất trang trí, dụng cụ bếp, ... và đang dạng hóa các kênh phân phối mới như thương mại điện tử. Nam Hoa quyết tâm đổi mới mô hình kinh doanh để bắt kịp với xu hướng chung của người tiêu dùng.



Ngoài ra, Hội đồng quản trị đồng thời cũng chỉ đạo Ban Giám đốc cũng như cán bộ nhân viên của Công ty tham gia đầy đủ các hoạt động xã hội và môi trường cộng đồng tại tất cả các địa phương mà Công ty có hoạt động sản xuất kinh doanh, hỗ trợ đóng góp đầy đủ về tài chính trong khả năng của mình. Hội đồng quản trị luôn quán triệt ý thức về đóng góp, xây dựng, bảo vệ môi trường cho toàn bộ cán bộ nhân viên Công ty.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2022, mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng Ban Tổng Giám đốc đã cơ bản hoàn thành các nhiệm vụ do HĐQT giao phó, đảm bảo tốt công tác điều hành Công ty theo đúng những mục tiêu, phương hướng mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra. Ban Tổng giám đốc đã duy trì bộ máy nhân sự hợp lý, tận dụng được nguồn nhân lực để phục vụ cho các hoạt động của Công ty. Tuy nhiên, HĐQT cũng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc cần xây dựng kế hoạch thu hút và đào tạo thêm nhiều nhân tài để bổ sung vào lực lượng nhân sự, kịp thời phục vụ cho các công tác triển khai nhiều dự án lớn hơn của Công ty trong thời gian tới.



Nhìn chung, các cán bộ quản lý đã hoàn thành tốt chức năng và nhiệm vụ được giao, thực hiện sát sao những chỉ đạo của HĐQT cũng như Ban Tổng Giám đốc. Trong thời gian tới, các cán bộ quản lý cần trau dồi và trang bị thêm nhiều kỹ năng, kiến thức để có thể duy trì và làm tốt hơn nữa nhiệm vụ được giao.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Định hướng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong giai đoạn 2024 - 2025 của Hội đồng quản trị cụ thể như sau:

- Doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế tăng trưởng ít nhất 30% hàng năm. Hội đồng quản trị kỳ vọng nền kinh tế nói chung và hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty là xuất khẩu đồ chơi sẽ hồi phục rõ rệt sau giai đoạn suy thoái toàn cầu trong năm 2022 và năm 2023.
- Tập trung mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và khai thác sâu rộng thị trường trọng điểm Châu Âu.
- Chú trọng nghiên cứu thị trường, cải tiến công nghệ sản xuất để nâng cao chất lượng các sản phẩm chủ lực trong giai đoạn mới của Nam Hoa như sản phẩm trang trí, quà tặng và đồ chơi cao cấp bằng gỗ.
- Nâng cấp, đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, tự động và thay đổi quy trình sản xuất hiện tại để gia tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí hoạt động và sản xuất. Qua đó gia tăng năng lực cạnh tranh của Nam Hoa trên thị trường, đặc biệt là đối với thị trường nước ngoài đầy cạnh tranh và khó tính.



05

PHẦN 5. QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	58
BAN KIỂM SOÁT	62
CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT	64
ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	66

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên, mỗi nhiệm kỳ là 05 năm do ĐHCĐ biểu quyết thông qua. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu ra. Danh sách HĐQT bao gồm:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Ông Đoàn Hương Sơn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Ông Lê Duy Anh	Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành
3	Ông Nguyễn Tiến Thọ	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc
4	Bà Bùi Thị Minh Tâm	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập
5	Ông Phạm Hải Văn	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập



ÔNG ĐOÀN HƯƠNG SƠN CHỦ TỊCH HĐQT

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ - Quản trị kinh doanh
- Năm sinh: 1973
- Ngày bổ nhiệm: 05/06/2020
- QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:**

- 09/1995 - 11/2006** Công ty liên doanh Unilever - Việt Nam
Trưởng điều hành chi nhánh bán hàng Miền Bắc
- 12/2006 - 05/2007** Công ty CP sữa Hanoi Milk
Tổng giám đốc
- 06/2007 - 12/2007** Công ty CP Anco
Tổng giám đốc
- 01/2008 - 10/2009** Công ty CP Vietsea
Giám đốc
- 11/2009 - NAY** Công ty cổ phần Thương mại Tràng An - Việt Nam
Giám đốc
- 2010 - NAY** Công ty Cổ phần Bánh kẹo Tràng An 3- Việt Nam
Thành viên HĐQT
- 2015 - NAY** Công ty Cổ phần Xuân Hòa Việt Nam
Thành viên HĐQT
- 2018 - NAY** Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Nam Hoa
Chủ tịch HĐQT
- 2019 - NAY** Công ty Cổ Phần Sản Xuất và Thương Mại Miền Quê.
Thành viên HĐQT



ÔNG LÊ DUY ANH THÀNH VIÊN HĐQT KHÔNG ĐIỀU HÀNH

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ - Quản trị kinh doanh quốc tế
- Năm sinh: 1973
- Ngày bổ nhiệm: 05/06/2020
- QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:**

- 1995 - 1998** Công ty liên doanh beer Rồng vàng
Giám sát kinh doanh, Giám đốc kinh doanh
- 1998 - 2004** Công ty liên doanh Unilever-Việt Nam
Quản lý bán hàng vùng
- 2004 - 2006** Công ty Fontera - Việt Nam
Giám đốc bán hàng miền Bắc
- 2006 - 2008** Công ty Đầu tư và Thương mại LIOA
Giám đốc
- 2010 - NAY** Công ty CP Thương Mại Tràng An - Việt Nam
Thành viên HĐQT
- 2010 - NAY** Công ty CP Bánh kẹo Tràng An 3- Việt Nam
Thành viên HĐQT
- 11/2015 - NAY** Công ty Cổ phần Xuân Hòa Việt Nam
Thành viên HĐQT/ Tổng giám đốc
- 2018 - NAY** Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Nam Hoa
Thành viên HĐQT
- 2019 - NAY** Công ty Cổ Phần Sản Xuất và Thương Mại Miền Quê.
Chủ tịch HĐQT



ÔNG NGUYỄN TIẾN THỌ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Năm sinh: 1974
- Ngày bổ nhiệm: 30/12/2017
- QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:**

- 1996 - 2003** Công ty liên doanh Unilever - Việt Nam
Trưởng khu vực kinh doanh
- 2004 - 2010** Unza Việt Nam
Giám đốc kinh doanh
- 2011 - 2012** Beiersdorf Việt Nam
Giám đốc kinh doanh
- 2013 - 2014** Jollibee Việt Nam
Giám đốc phát triển kinh doanh
- 2015 - 2016** L'Oreal Việt Nam
Giám đốc thương mại
- 2017** Alliance Laundry Việt Nam
Tổng Giám đốc
- 2018 - NAY** Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa
Tổng Giám đốc - Thành viên HĐQT

BÀ BÙI THỊ MINH TÂM
THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

- Trình độ chuyên môn:
Tiến sĩ chuyên ngành tài chính
- Năm sinh: 1973
- Ngày bổ nhiệm: 17/11/2020

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 09/1994 - 03/2003** Công ty TNHH T&T
Kế toán trưởng
- 04/2003 - 12/2006** Công ty CP Tập đoàn T&T
Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính
Công ty TNHH T&T Hưng yên
Giám đốc
- 01/2007 - 12/2012** Công ty CP chứng khoán Sài Gòn Hà nội
Phó Tổng Giám đốc
- 01/2013 - 10/2014** Công ty TNHH quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà nội
Giám đốc
- Công ty cổ phần Thái Sơn - Long An**
Thành viên HĐQT
- 11/2014 - 11/2017** Đại học Công nghệ Queensland, Trường Kinh doanh - Khoa tài chính và kinh tế
Nghiên cứu sinh bậc Tiến sĩ.
- 12/2017 - 04/2018** Công ty CP Tập đoàn T&T
Phó Tổng Giám đốc phụ trách khối tài chính, kế toán và đầu tư
- 04/2018 - 12/2018** UDDP - REDD+
Tư vấn độc lập (mảng tài chính)
- 08/2018 - 10/2018** Tổ chức Sáng kiến Việt nam
Tư vấn độc lập
- 04/2019 - 03/2020** Công ty CP tư vấn EY
Giám đốc tư vấn chiến lược và giao dịch
- 10/2019 - NAY** Tổ chức thương mại bền vững IDH (Hà Lan)
Tư vấn độc lập (mảng tài chính)
- 04/2020 - 06/2020** Công ty cổ phần Vinhomes
Giám đốc tài chính (thử thách CFO)
- 07/2020 - NAY** Công ty CP Tập đoàn T&T
Chủ tịch Công ty T&T Hospitality, T&T Management, T&T Land
Tổng Giám Đốc T&T Land
- 11/2020 - NAY** Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa
Thành viên HĐQT

ÔNG PHẠM HẢI VĂN
THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

- Trình độ chuyên môn: Đại học
- Năm sinh: 1968
- Ngày bổ nhiệm: 17/11/2020

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 08/2000 - 02/2010** Công ty TNHH Unilever VN
Giám đốc điều hành
- 02/2010 - 02/2019** Công ty TNHH Wipro Consumer Care (Việt Nam)
Tổng Giám đốc
- 11/2019 - NAY** Công ty TNHH Grobest Industrial (Việt Nam)
Tổng Giám đốc
- Công ty TNHH Grobest Landfound**
Tổng Giám đốc
- Công ty TNHH Giống Thủy Sản Grobest (Việt Nam)**
Tổng Giám đốc
- 11/2020 - NAY** Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Nam Hoa
Thành viên HĐQT

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ngày 30/6/2022, Hội đồng quản trị đã thành lập Ban kiểm toán nội bộ công ty trực thuộc Hội đồng quản trị Công ty. Theo đó Ban kiểm toán nội bộ hoạt động theo Quy chế Kiểm toán nội bộ Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2022, HĐQT đã theo dõi sát sao các hoạt động của Công ty và có những chỉ đạo, đưa ra phương hướng nhanh chóng, kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế. HĐQT đã triệu tập 11 cuộc họp, ban hành các Nghị quyết/Quyết định, cụ thể như sau:

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ
1	01/NQ-HĐQT-NH2022	06/01/2022	Nghị quyết ĐHQT về ngày ĐKCC chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2020
2	01B/NQ-HĐQT-NH2022	06/01/2022	Nghị quyết HĐQT về thông qua chủ trương giao dịch với các bên liên quan
3	02/NQ-HĐQT-NH2022	20/02/2022	Nghị Quyết HĐQT về ban hành điều lệ sửa đổi ngày 20/02/2022
4	03/NQ-HĐQT-NH2022	14/03/2022	Nghị Quyết HĐQT về việc tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2022
5	04/NQ-HĐQT-NH2022	12/05/2022	Nghị Quyết HĐQT về việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám Đốc phụ trách Sản Xuất
6	05/NQ-HĐQT-NH2022	12/05/2022	Nghị Quyết HĐQT về việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám Đốc phụ trách Kinh Doanh
7	06/NQ-HĐQT-NH2022	30/06/2022	Nghị Quyết HĐQT về việc lựa chọn đơn vị Kiểm toán BCTC năm 2022
8	07/NQ-HĐQT-NH2022	30/06/2022	Nghị Quyết HĐQT ban hành quy chế Kiểm toán nội bộ
9	08/NQ-HĐQT-NH2022	30/06/2022	Nghị Quyết HĐQT Thành lập ban kiểm toán nội bộ và bổ nhiệm người phụ trách kiểm toán nội bộ
10	09/NQ-HĐQT-NH2022	30/06/2022	Nghị Quyết HĐQT bổ nhiệm người phụ trách quản trị
11	10/NQ-HĐQT-NH2023	31/08/2022	Nghị Quyết HĐQT về thông qua triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức
12	11/NQ-HĐQT-NH2023	29/09/2022	Nghị Quyết HĐQT về tạm dừng triển khai phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu
13	12/NQ-HĐQT-NH2024	25/10/2022	Nghị Quyết HĐQT về ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2021
14	13/NQ-HĐQT-NH2024	07/11/2022	Nghị Quyết HĐQT về thông qua chủ trương thực hiện các giao dịch, các hợp đồng với các bên liên quan
15	14/NQ-HĐQT-NH2025	14/11/2022	Nghị Quyết HĐQT về thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021
16	15/NQ-HĐQT-NH2025	28/11/2022	Nghị Quyết HĐQT về tăng vốn điều lệ

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Đến thời điểm hiện tại, Hội đồng quản trị Công ty có 02 thành viên độc lập là bà Bùi Thị Minh Tâm và ông Phạm Hải Văn. Trong năm 2022, 02 thành viên độc lập đã có nhiều đóng góp tích cực, đưa ra nhiều ý kiến khách quan, độc lập cho hoạt động của HĐQT; hoàn thành việc giám sát bộ máy quản lý, điều hành, ngăn ngừa xung đột lợi ích, góp phần bảo vệ quyền lợi của cổ đông.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐÃ THAM GIA CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY VÀ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Tất cả các thành viên HĐQT Công ty chưa có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty và chưa tham gia các khóa đào tạo về quản trị Công ty theo quy định. Tuy nhiên chúng tôi thường xuyên cập nhật các văn bản, quy định của pháp luật về quản trị Công ty và sẽ tham gia khi các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận có các khóa đào tạo phù hợp.

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát bao gồm 03 thành viên do ĐHCĐ biểu quyết thông qua, Trưởng ban do các thành viên BKS bầu, cụ thể như sau:



BÀ ĐÀO NGỌC THU TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Năm sinh: 1974
- Ngày bổ nhiệm: 05/06/2020
- QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:**

- 2002 - 2004** Công ty Park Manufacturing
Kế toán trưởng
- 2004 - 2007** Công ty Liên doanh LLD
Kế toán trưởng
- 2007 - 2009** Công ty Cổ phần Liên doanh quốc tế Hải Vân
Kế toán trưởng
- 2009 - 07/2012** Công ty cổ phần thương mại THÁI HÒA
Kế toán trưởng
- 2012 - NAY** Công ty cổ phần Thương mại Tràng An - Việt Nam
Kế toán trưởng
- 03/2017 - NAY** Công ty CP Xuân Hòa Việt Nam
Trưởng ban kiểm soát
- 2018 - NAY** Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa
Trưởng Ban Kiểm soát
- 2018 - NAY** Công ty Cổ Phần Sản Xuất và Thương Mại Miền Quê
Trưởng Ban Kiểm soát



BÀ NGUYỄN THỊ LINH CHI THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Năm sinh: 1971
- Ngày bổ nhiệm: 05/06/2020
- QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:**

- 03/1995 - 09/2006** Công ty cổ phần Tràng An
Kế toán
- 10/2006 - 12/2009** Công ty cổ phần Tràng An
Phó phòng tài chính kế toán
- 01/2010 - 09/2012** Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Tràng An
Kế toán trưởng kiêm trưởng ban kiểm soát
Công ty Cp bánh kẹo Tràng An 2
- 10/2012 - 02/2017** Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Tràng An
Trưởng phòng điều phối kiêm trưởng ban kiểm soát
Công Ty CP ĐT & TM Tràng An
- 03/2017 - NAY** Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Tràng An
Trưởng phòng điều phối
- 2018 - NAY** Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa
Thành viên Ban Kiểm soát



ÔNG ĐINH CÔNG HƯỜNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Năm sinh: 20/11/1990
- Ngày bổ nhiệm: 30/04/2022
- QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:**

- 2013 - 2017** Công ty cổ phần Sông đà 11
Kế toán tổng hợp
- 2017 - 2021** Công ty cổ phần Sản xuất và thương mại Miền Quê
Trưởng bộ phận tài chính
- 2021 - NAY** Công ty cổ phần Sản xuất và thương mại Miền Quê
Kế toán trưởng
- 2022 - NAY** Công ty cổ phần Sản xuất và thương mại Nam Hoa
Thành viên Ban Kiểm soát

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Đại diện Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT và theo yêu cầu để nắm tình hình hoạt động của Công ty. Ban Kiểm soát thực hiện:

- Báo cáo cho cổ đông tại ĐHCĐ việc giám sát thực hiện hoạt động kinh doanh năm 2021 của Công ty và kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ban Kiểm soát;
- Xem xét tính phù hợp của các quyết định của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai các nghị quyết, quyết định trong năm 2022 của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc;
- Giám sát hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính năm 2022 của Công ty;
- Giám sát việc thực thi, công bố thông tin của Công ty theo đúng quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan.

Trong năm 2022, Ban Kiểm soát đã nhận được sự phối hợp chặt chẽ từ HĐQT thông qua việc được cung cấp đầy đủ và rõ ràng những thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh cũng như quản trị doanh nghiệp trong các cuộc họp HĐQT. Qua các cuộc họp cùng HĐQT, Ban Kiểm soát đã đóng góp ý kiến một cách thẳng thắn để cùng nhau phân tích, đánh giá đưa ra những quyết định tối ưu nhất vừa tuân thủ đúng quy định pháp luật hiện hành vừa tối ưu hóa lợi ích cho tất cả các bên liên quan. Bên cạnh đó, trong quá trình giám sát việc thực hiện hoạt động Công ty, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đã nhiệt tình cung cấp các thông tin theo yêu cầu, tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ của mình.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

THÙ LAO CỦA HĐQT NĂM 2022

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	THÙ LAO (VNĐ)
1	Ông Đoàn Hương Sơn	Chủ tịch HĐQT	200.000.000
2	Ông Lê Duy Anh	Thành viên HĐQT không điều hành	133.333.333
3	Ông Nguyễn Tiến Thọ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.438.756.000
4	Bà Bùi Thị Minh Tâm	Thành viên HĐQT độc lập	120.000.000
5	Ông Phạm Hải Văn	Thành viên HĐQT độc lập	133.333.333

THÙ LAO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	THÙ LAO (VNĐ)
1	Bà Đào Ngọc Thu	Trưởng Ban Kiểm soát	133.333.333
2	Bà Nguyễn Thị Linh Chi	Thành viên Ban Kiểm soát	40.000.000
3	Ông Đinh Công Hưởng	Thành viên Ban Kiểm soát	26.666.667

THU NHẬP CỦA BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2022

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	THÙ LAO (VNĐ)
1	Ông Nguyễn Tiến Thọ	Tổng Giám đốc kiêm thành viên Hội đồng quản trị	1.438.756.000
2	Ông Lưu Vũ Sơn	Phó Tổng Giám đốc	770.296.148
3	Ông Phạm Việt Phương	Phó Tổng Giám đốc	678.778.000

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu trước khi giao dịch		Số cổ phiếu sở hữu sau khi giao dịch		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Ông Đoàn Hương Sơn	Chủ tịch HĐQT	3.759.111	24,40%	5.864.212	24,40%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
2	Ông Lê Duy Anh	Thành viên HĐQT	2.000.000	13%	3.120.000	12,99%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
3	Bà Bùi Thị Hiền	Vợ ông Lê Duy Anh	1.537.312	6,50%	2.398.206	9,98%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
4	Bà Trần Thị Thanh Hương	Em dâu ông Lê Duy Anh	1.000.000	6,50%	1.560.000	6,50%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
5	Ông Nguyễn Tiến Thọ	Tổng Giám đốc	515.520	3,34%	803.790	3,34%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Không có.

GIAO DỊCH GIỮA NGƯỜI NỘI BỘ CÔNG TY, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY DO NGƯỜI NỘI BỘ CỦA CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT

TÊN TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN	THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH VỚI CÔNG TY	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐHĐCĐ/ HĐQT... THÔNG QUA (NẾU CÓ, NẾU RÕ NGÀY BAN HÀNH)	NỘI DUNG, SỐ LƯỢNG, TỔNG GIÁ TRỊ GIAO DỊCH/
ÔNG NGUYỄN TIẾN THỌ Tổng Giám Đốc	Trong năm 2022	Nghị quyết HĐQT số: 13/2022-NQHĐQT-NHT ngày 07/11/2022	Công ty giao dịch mượn tiền: 1.410.000.000
			Công ty giao dịch hoàn tiền: 1.410.000.000
			Công ty tạm ứng 24.000.000
			Hoàn tạm ứng cho Công ty 34.000.000

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trong năm, tất cả các bộ phận đều thực hiện tốt công tác quản trị Công ty theo Nghị định 155/2020/NĐ- CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát Công ty luôn chấp hành tốt và đầy đủ các quy định của Pháp luật hiện hành về quản trị Công ty đại chúng.

Hoạt động kiểm toán nội bộ: Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ, theo đó Bộ phận kiểm toán nội bộ có trách nhiệm thực hiện kiểm tra, đánh giá đầy đủ hiệu quả quản trị, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ cũng như chất lượng hiệu suất trong việc thực thi nhiệm vụ được giao và đưa ra các khuyến nghị hoàn thiện để đạt được mục tiêu, mục đích của Công ty.

Theo đánh giá của thành viên HĐQT độc lập, trong năm 2022:

- Các hoạt động của HĐQT trong năm 2022 tuân thủ Điều lệ công ty, Quy chế quản trị công ty và quy định pháp luật.
- Tất cả các thành viên HĐQT đã tuân thủ các quy định trong việc tham gia các cuộc họp HĐQT, thảo luận, biểu quyết độc lập, khách quan trên cơ sở đảm bảo cao nhất lợi ích của công ty.
- HĐQT đã đề xuất giải pháp hiệu quả, kịp thời hỗ trợ để Ban Tổng Giám đốc trong quá trình vận hành công ty, thực hiện tốt việc giám sát và kiểm soát đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.



Trong năm 2022, mặc dù chịu ảnh hưởng rất lớn từ biến động không lường trước được của thị trường, HĐQT luôn đồng hành, hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc để điều hành công ty vượt qua giai đoạn khó khăn, thực hiện tốt các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT. Các hoạt động quan hệ với nhà đầu tư đã thực hiện trong năm:

- Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên theo quy định pháp luật
- Thực hiện nghiêm túc các nghĩa vụ về công bố thông tin theo quy định pháp luật; đảm bảo tính trung thực, minh bạch, công khai, kịp thời của công bố thông tin.

Các kế hoạch tăng cường hiệu quả trong quản trị công ty:

- Liên tục cập nhật những quy định mới, cử cán bộ chuyên trách theo dõi và báo cáo thường xuyên.
- Chủ động tăng cường minh bạch hóa thông tin của Công ty cho các cổ đông thông qua cập nhật các thông tin về tình hình hoạt động Công ty trên website và các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định.



PHẦN 6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG	70
QUẢN LÝ NGUỒN NHIÊN LIỆU	70
TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG	71
TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	71
CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG	72
BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG	72



TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Công ty hiện không thực hiện kiểm định lượng phát thải khí nhà kính của riêng Công ty. Tuy nhiên để giảm thiểu tối đa tác động lên môi trường, Công ty đã chỉ đạo và khuyến khích các cán bộ nhân viên và thành viên của Công ty thực hiện tiết kiệm tối đa các nguồn năng lượng, giảm thiểu phát thải khí nhà kính bằng nhiều biện pháp như:

TẮT CÁC THIẾT BỊ ĐIỆN KHI KHÔNG SỬ DỤNG, TIẾT KIỆM NƯỚC

SỬ DỤNG ĐIỀU HÒA MỘT CÁCH HỢP LÝ

SỬ DỤNG BÓNG ĐÈN LED

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Công ty chủ yếu sử dụng nguyên vật liệu đầu vào có thể tái chế được và kiểm soát nguồn nhiên liệu đầu vào thân thiện với môi trường.

Nhằm giảm thiểu tối đa các tác động bất lợi tới môi trường, Công ty luôn chú trọng xây dựng và giám sát quy trình nhập khẩu nguyên vật liệu đầu vào từ khâu lựa chọn nhà cung cấp, trao đổi, đàm phán, tính toán định mức vật tư cho sản phẩm, ... để tránh lãng phí, xả thải không cần thiết tới môi trường xung quanh.

Trong quá trình sản xuất, lượng dăm bào và củi vụn phế phẩm (chiếm khoảng 10-12% tổng số nguyên liệu gỗ đầu vào) được công ty tập trung và bán cho các công ty khác để làm nguyên liệu cho các sản phẩm viên nén gỗ, viên nén năng lượng ... giúp tận dụng tối đa nguồn gỗ phụ phẩm, tiết kiệm chi phí, bảo vệ môi trường đồng thời cũng đem lại một phần lợi nhuận cho công ty.



TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Điện năng được Công ty sử dụng chủ yếu cho hoạt động sản xuất tại các nhà máy và hoạt động văn phòng của Công ty.

LƯỢNG ĐIỆN NĂNG TIÊU THỤ CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2022 NHƯ SAU:

KHỐI LƯỢNG (KWH)	THÀNH TIỀN - CHI PHÍ (ĐỒNG)	NGUỒN CUNG CẤP
2.488.041	4.677.517.584	CN Tổng công ty Điện lực HCM TNHH – Công ty điện lực Củ Chi

Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Công ty luôn khuyến khích các cán bộ nhân viên của công ty thực hiện nghiêm túc các biện pháp tiết kiệm năng lượng như: tắt các thiết bị điện khi không sử dụng, sử dụng điều hòa một cách hợp lý, ưu tiên sử dụng bóng đèn LED để tiết kiệm điện ... Ngoài ra, Công ty cũng có một bộ phận thường xuyên theo dõi hoạt động sản xuất tại nhà máy, chú trọng phân bổ sử dụng máy móc và dây chuyền hợp lý, giảm tổn thất điện năng trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhờ đó Công ty có thể giảm thiểu chi phí, vừa có thể góp phần giảm thiểu tác động gây hại lên môi trường.

TIÊU THỤ NƯỚC

Nguồn nước được Công ty sử dụng cho mục đích sản xuất tại nhà máy và sinh hoạt cho hoạt động văn phòng của Công ty. Công ty sử dụng nguồn cấp nước do các cơ quan, doanh nghiệp được cấp phép hoạt động.

LƯỢNG NƯỚC TIÊU THỤ CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2022 NHƯ SAU:

KHỐI LƯỢNG (M3)	THÀNH TIỀN - CHI PHÍ (ĐỒNG)	NGUỒN CUNG CẤP
8.739	83.889.856	CTCP Phát triển đô thị Sài Gòn Tây Bắc (SCD)

Công ty luôn chủ trương tiết kiệm nước, chỉ sử dụng nguồn nước khi thực sự cần thiết để tránh lãng phí và góp phần bảo vệ môi trường. Trong năm 2022, kết quả quan trắc định kỳ đối với nước thải và quy trình xử lý nước thải tại nhà máy của Công ty cho thấy hệ thống xử lý nước thải của Công ty hoạt động bình thường, đạt quy chuẩn và không có sự cố phát sinh trong quá trình xả thải gây ô nhiễm tới môi trường xung quanh nhà máy.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- ✓ Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không
- ✓ Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không
- ✓ Công ty luôn tuân thủ việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định đối với các dự án do công ty thực hiện.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Năm 2022, Công ty luôn chăm lo đời sống cho Người lao động, thực hiện đầy đủ chế độ thưởng các ngày lễ trong năm, sinh nhật, sinh hoạt tập thể nhằm gắn kết Người lao động tạo sức mạnh to lớn để hoàn thành toàn diện các mục tiêu kinh doanh của Công ty.

Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động đào tạo nội bộ cho cán bộ nhân viên trong công ty về kỹ năng, kiến thức chuyên sâu áp dụng trong từng mảng hoạt động của Công ty nhằm phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty luôn ý thức việc xây dựng một môi trường làm việc đảm bảo mọi người lao động đều được an toàn, khỏe mạnh có cơ hội phát triển, nuôi sống được bản thân, gia đình,... tạo công ăn việc làm ổn định cho lao động địa phương là một trách nhiệm xã hội lớn mà Công ty đã làm được. Bên cạnh những nỗ lực, cố gắng trong sản xuất kinh doanh, Công ty xác định rõ trách nhiệm của doanh nghiệp xã hội. Hằng năm, Công ty luôn dành một phần lợi nhuận của mình để thực hiện các hoạt động mang tính cộng đồng, góp phần cải thiện đời sống xã hội trên tinh thần giúp đỡ, chia sẻ với những hoàn cảnh khó khăn bất hạnh trong cuộc sống, cùng góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp, nhân văn.

Bên cạnh những đóng góp vào sự phát triển cộng đồng, chúng tôi cũng làm tốt trách nhiệm của mình trong việc đảm bảo môi trường sống của cộng đồng địa phương bằng việc thực hiện nghiêm túc và tự giác các quy định và giải pháp về môi trường.



PHẦN 7. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Đính kèm báo cáo thường niên này)

Tp Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 04 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM HOA
Người đại diện pháp luật



NGUYỄN TIẾN THỌ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

Tháng 3 năm 2023

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 32

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA

Số nhà 71/4a Đường Hiệp Thành 13, Khu phố 17, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành, quản lý Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đoàn Hương Sơn	Chủ tịch
Ông Lê Duy Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Thọ	Thành viên
Bà Bùi Thị Minh Tâm	Thành viên
Ông Phạm Hải Văn	Thành viên

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Đào Ngọc Thu	Trưởng ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Linh Chi	Thành viên
Ông Đinh Công Hương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Tiến Thọ	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Việt Phương	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022)
Ông Lưu Vũ Sơn	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022)

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là Ông Nguyễn Tiến Thọ - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được ghi chép một cách phù hợp, lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



Nguyễn Tiến Thọ

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2023

685
H
C
K
H

Số: 037/VACO/BCKT.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa ("Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2023, từ trang 04 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (gọi chung là "Báo cáo tài chính riêng").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



Nguyễn Đức Tiến
Giám đốc chi nhánh
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2023



Nguyễn Ngọc Thạch
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1822-2023-156-1

6-01
HÀNH
HỒC
NG T
TIỆM
MTC
AC
H-1

30
C
C
AN X
N
HÀNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		106.322.314.066	96.989.910.802
I. Tiền	110	4	17.285.946.692	19.805.129.366
1. Tiền	111		17.285.946.692	19.805.129.366
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	6.040.945.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		8.057.761.061	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(2.016.816.061)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		35.891.123.036	30.227.290.910
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	21.536.542.076	27.083.258.154
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	3.541.428.561	2.786.881.103
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	9.000.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	1.915.701.269	459.700.523
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(102.548.870)	(102.548.870)
IV. Hàng tồn kho	140	10	33.535.988.380	43.378.616.849
1. Hàng tồn kho	141		34.780.033.473	44.622.661.942
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.244.045.093)	(1.244.045.093)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.568.310.958	3.578.873.677
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	638.405.407	703.941.029
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.917.327.412	2.874.932.648
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	12.578.139	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		297.840.050.703	308.157.439.268
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.000.000	11.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	5.000.000	11.000.000
II. Tài sản cố định	220		109.556.915.351	116.316.871.933
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	109.390.770.367	116.057.868.945
- Nguyên giá	222		138.495.475.302	137.364.603.557
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.104.704.935)	(21.306.734.612)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	166.144.984	259.002.988
- Nguyên giá	228		844.290.000	844.290.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(678.145.016)	(585.287.012)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	20.754.128.039	22.173.013.185
- Nguyên giá	231		40.722.467.855	40.590.222.855
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(19.968.339.816)	(18.417.209.670)
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		136.504.732.000	136.504.732.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	5	136.504.732.000	136.504.732.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		31.019.275.313	33.151.822.150
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	31.019.275.313	33.151.822.150
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		404.162.364.769	405.147.350.070

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính riêng này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		87.681.482.196	163.569.410.956
I. Nợ ngắn hạn	310		79.665.229.134	131.888.267.756
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	12.328.610.211	7.422.051.922
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	2.629.625.081	12.100.095.551
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	8.239.445.517	2.400.207.403
4. Phải trả người lao động	314		7.274.545.416	7.877.087.315
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		444.410.994	7.348.829.631
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	1.446.617.674	179.429.828
7. Vay ngắn hạn	320	19	47.301.974.241	94.560.566.106
II. Nợ dài hạn	330		8.016.253.062	31.681.143.200
1. Phải trả dài hạn khác	337	18	1.581.720.000	1.681.720.000
2. Vay dài hạn	338	19	6.434.533.062	29.999.423.200
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		316.480.882.573	241.577.939.114
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	316.480.882.573	241.577.939.114
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		240.281.690.000	154.115.410.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		240.281.690.000	154.115.410.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		76.199.192.573	87.462.529.114
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.296.249.114	23.459.846.309
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		74.902.943.459	64.002.682.805
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		404.162.364.769	405.147.350.070



Nguyễn Tiên Thọ
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Nguyễn Đức Cường
Kế toán trưởng

Vương Thị Ngọc Linh
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		309.247.473.341	282.735.962.134
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		164.904.839	461.193.349
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	23	309.082.568.502	282.274.768.785
4. Giá vốn hàng bán	11	24	197.136.085.688	190.703.561.180
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		111.946.482.814	91.571.207.605
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	7.798.912.794	13.395.533.623
7. Chi phí tài chính	22	27	11.300.352.775	9.090.605.356
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.712.227.592	7.991.001.385
8. Chi phí bán hàng	25	28	12.534.278.754	15.650.908.837
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	12.818.872.533	10.904.361.558
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		83.091.891.546	69.320.865.477
11. Thu nhập khác	31		1.518.882.229	2.731.550.822
12. Chi phí khác	32		1.499.102.335	1.420.088.493
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		19.779.894	1.311.462.329
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		83.111.671.440	70.632.327.806
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	8.208.727.981	6.629.645.001
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		74.902.943.459	64.002.682.805



Nguyễn Tiên Thọ
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Nguyễn Đức Cường
Kế toán trưởng

Vương Thị Ngọc Linh
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	83.111.671.440	70.632.327.806
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	9.882.682.725	10.081.519.671
- Các khoản dự phòng	03	2.016.816.061	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	356.651.501	(805.377.164)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(5.927.689.678)	(10.621.624.057)
- Chi phí lãi vay	06	3.712.227.592	7.991.001.385
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	93.152.359.641	77.277.847.641
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(6.220.139.006)	(6.017.053.668)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	9.842.628.469	6.341.406.006
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(9.969.564.540)	(4.751.463.861)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.198.082.459	2.546.229.366
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	(8.057.761.061)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(4.017.241.143)	(7.991.001.385)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.594.715.795)	(2.171.927.070)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	74.333.649.024	65.234.037.029
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(3.165.894.163)	(1.916.099.295)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	27.272.727
3. Tiền chi cho vay	23	(10.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay	24	1.000.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.902.462.844	10.594.351.330
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.263.431.319)	8.705.524.762
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	199.170.839.491	206.914.557.741
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(270.342.552.064)	(244.217.886.942)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(30.774.140.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(71.171.712.573)	(68.077.469.201)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(3.101.494.868)	5.862.092.590
Tiền đầu năm	60	19.805.129.366	13.972.238.228
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	582.312.194	(29.201.452)
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	17.285.946.692	19.805.129.366



Nguyễn Tiên Thọ
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Nguyễn Đức Cường
Kế toán trưởng

Wương Thị Ngọc Linh
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303292182 ngày 11 tháng 5 năm 2004. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 ngày 01 tháng 6 năm 2022.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 495 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 578 người).

Trụ sở

Công ty đăng ký trụ sở tại số 71/4A, Khu phố 7, Đường Hiệp Phước Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty đã cho thuê toàn bộ nhà xưởng tại địa chỉ này. Nhà máy và văn phòng làm việc hiện tại của Công ty tại Khu Công nghiệp Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là Sản xuất và thương mại.

Hoạt động chính của Công ty là Sản xuất và kinh doanh đồ dùng gia đình, trang trí nội thất và các sản phẩm đồ chơi trẻ em bằng gỗ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty trong thời gian không quá 12 tháng.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Đồng thời, Báo cáo tài chính riêng cũng được lập và phát hành cùng Báo cáo tài chính Hợp nhất, theo đó để có thông tin đầy đủ thì người sử dụng Báo cáo tài chính riêng nên đọc Báo cáo tài chính này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- Bất động sản đầu tư xác định được giá trị hợp lý được trình bày cụ thể tại thuyết minh số 15;*
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a, b và c trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

656
HÀNH
PHỐI
CÔNG
NHỆ
KIỂM
VA
ANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền cuối tháng. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí bảo hiểm: Chi phí bảo hiểm đã mua trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 01 năm.

Tiền thuê đất: Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo theo phương pháp đường thẳng, phân bổ theo thời gian thuê.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm. Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 36
Máy móc, thiết bị	04 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 06
Tài sản cố định khác	08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

002-1
NH
CHÍNH
TY
HỮU
TOÁN
CƠ
- T.P.H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng từ 5 đến 25 năm.

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất lâu dài.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông theo Điều lệ của Công ty, Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu là chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh chiết khấu, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng năm nay.
- Nếu khoản chiết khấu, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính năm sau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập và công bố cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty, do đó Công ty không trình bày giao dịch với các bên liên quan trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập và công bố cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty, do đó Công ty không trình bày chi tiêu lãi cơ bản//lãi suy giảm trên cổ phiếu trong Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

4. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	208.532.552	78.469.858
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.077.414.140	19.726.659.508
Cộng	<u>17.285.946.692</u>	<u>19.805.129.366</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOASố nhà 71/4a Đường Hiệp Thành 13, Khu phố 17,
Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DNBan hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
a) Chứng khoán kinh doanh						
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX (cổ phiếu GEX)	1.508.959.100	(20.959.100)	1.488.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (cổ phiếu TCB)	1.316.701.150	(541.201.150)	775.500.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (cổ phiếu VPB)	1.203.068.620	(253.473.620)	949.595.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM (cổ phiếu HDB)	1.113.390.000	(315.890.000)	797.500.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội (cổ phiếu MBB)	804.735.200	(223.335.200)	581.400.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (cổ phiếu MSB)	765.612.000	(278.112.000)	487.500.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect (cổ phiếu VND)	481.462.800	(211.462.800)	270.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (cổ phiếu SSI)	341.823.241	(102.873.241)	238.950.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (cổ phiếu CTG)	338.270.400	(65.770.400)	272.500.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (cổ phiếu HPG)	183.738.550	(3.738.550)	180.000.000	-	-	-
Cộng	8.057.761.061	(2.016.816.061)	6.040.945.000	-	-	-
b) Đầu tư vào Công ty con						
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê (i)	136.504.732.000	-	(*)	136.504.732.000	-	(*)
Cộng	136.504.732.000	-		136.504.732.000	-	

(i) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê với tỷ lệ 51% tổng vốn điều lệ. Hoạt động chính của Miền Quê là sản xuất và kinh doanh đồ dùng gia đình, trang trí nội thất bằng gỗ. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê có lãi lũy kế.

(*) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty con này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty con này có thể khác so với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Trong năm, Công ty phát sinh các giao dịch chủ yếu sau với Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Cho vay	10.000.000.000	-
Thu hồi gốc cho vay	1.000.000.000	-
Trả tiền vay	-	25.000.000.000
Mua tài sản cố định	377.840.907	-
Bán tài sản cố định	1.140.000.000	-
Nhận cổ tức	5.750.100.000	10.592.651.060
Mua nguyên vật liệu	130.684.920	-
Bán nguyên vật liệu	34.918.615	91.640.000
Lãi cho vay	147.780.823	-
Chi phí lãi vay	-	1.339.599.998

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Rosendahl Design Group	14.583.490.791	16.229.163.888
Công ty Cổ phần SX và TM Miền Quê	1.439.492.927	100.804.000
Stanley Black & Decker Limited BVBA	-	5.555.508.638
Các khách hàng khác	5.513.558.358	5.197.781.628
Cộng	<u>21.536.542.076</u>	<u>27.083.258.154</u>

Một phần giá trị các khoản công nợ phải thu được dùng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn (Xem thuyết minh số 19).

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Global Timber	1.821.705.762	-
Công TY TNHH Chống Thấm và Xây Dựng Lộc Phát	-	909.040.000
Công Ty TNHH AJ Timber Products Việt Nam	-	516.803.522
Các nhà cung cấp khác	1.719.722.799	1.361.037.581
Cộng	<u>3.541.428.561</u>	<u>2.786.881.103</u>

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Đây là khoản cho Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê vay với thời hạn 04 tháng kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2022, lãi suất 4%/năm. Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

9. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.915.701.269	459.700.523
Ký quỹ, ký cược	1.500.000.000	-
Tạm ứng	191.201.200	136.970.108
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	100.939.127	195.383.180
Các đối tượng khác	123.560.942	127.347.235
b) Dài hạn	5.000.000	11.000.000
Ký quỹ, ký cược	5.000.000	11.000.000

10. HÀNG TỒN KHO

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên	-	-	734.391.882	-
Nguyên liệu, vật liệu	22.425.681.804	232.830.488	28.816.042.351	232.830.488
Công cụ, dụng cụ	376.770.817	31.921.844	503.381.754	31.921.844
Chi phí SXKD dở dang	7.104.981.621	-	9.100.616.097	-
Thành phẩm	4.610.065.248	979.292.761	5.167.734.399	979.292.761
Hàng gửi bán	262.533.983	-	300.495.459	-
Cộng	34.780.033.473	1.244.045.093	44.622.661.942	1.244.045.093

Một phần giá trị hàng tồn kho được dùng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn (Xem thuyết minh số 19).

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	638.405.407	703.941.029
Công cụ dụng cụ xuất dùng	32.110.648	59.042.191
Chi phí bảo hiểm	360.833.445	347.947.625
Các khoản khác	245.461.314	296.951.213
b) Dài hạn	31.019.275.313	33.151.822.150
Tiền thuê đất (i)	30.326.995.300	31.274.713.900
Công cụ dụng cụ xuất dùng	223.284.212	610.857.155
Các khoản khác	468.995.801	1.266.251.095
Cộng	31.657.680.720	33.855.763.179

- (i) Đây là giá trị tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, được Công ty phân bổ trong thời gian 426 tháng kể từ tháng 7 năm 2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
a) Phải thu	VND	VND	VND	VND
Thuế xuất, nhập khẩu	-	5.689.404	(18.267.543)	12.578.139
Cộng	-	5.689.404	(18.267.543)	12.578.139
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
b) Phải nộp	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT	-	186.119.429	-	186.119.429
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.316.631.051	(1.316.631.051)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	270.384.899	(270.384.899)	-
Thuế thu nhập cá nhân	63.633.067	906.879.931	(867.773.432)	102.739.566
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.336.574.336	8.208.727.981	(2.594.715.795)	7.950.586.522
Các loại thuế khác	-	228.892.398	(228.892.398)	-
Cộng	2.400.207.403	11.117.635.689	(5.278.397.575)	8.239.445.517



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOASố nhà 71/4a Đường Hiệp Thành 13, Khu phố 17,
Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	95.314.352.935	38.481.174.721	3.209.753.181	257.547.720	101.775.000	137.364.603.557
- Mua trong năm	1.284.807.800	980.805.276	377.840.907	42.915.180	-	2.686.369.163
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.555.497.418)	-	-	-	(1.555.497.418)
Số dư cuối năm	96.599.160.735	37.906.482.579	3.587.594.088	300.462.900	101.775.000	138.495.475.302
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	8.937.383.082	10.952.639.490	1.156.113.438	231.974.390	28.624.212	21.306.734.612
- Khấu hao trong năm	3.741.206.950	4.078.032.451	397.042.458	7.306.668	15.106.048	8.238.694.575
- Thanh lý, nhượng bán	-	(440.724.252)	-	-	-	(440.724.252)
Số dư cuối năm	12.678.590.032	14.589.947.689	1.553.155.896	239.281.058	43.730.260	29.104.704.935
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	86.376.969.853	27.528.535.231	2.053.639.743	25.573.330	73.150.788	116.057.868.945
Tại ngày cuối năm	83.920.570.703	23.316.534.890	2.034.438.192	61.181.842	58.044.740	109.390.770.367

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 với giá trị là 1.231.563.220 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 881.563.220 VND).

Nhà cửa, vật kiến trúc và Máy móc, thiết bị đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn (Xem thuyết minh số 19).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	844.290.000	844.290.000
Số dư cuối năm	844.290.000	844.290.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	585.287.012	585.287.012
- Khấu hao trong năm	92.858.004	92.858.004
Số dư cuối năm	678.145.016	678.145.016
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	259.002.988	259.002.988
Tại ngày cuối năm	166.144.984	166.144.984

Nguyên giá của TSCĐ vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 với giá trị là 380.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 380.000.000 VND).

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà xưởng VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	37.124.797.855	3.465.425.000	40.590.222.855
- Mua trong năm	132.245.000	-	132.245.000
Số dư cuối năm	37.257.042.855	3.465.425.000	40.722.467.855
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	18.417.209.670	-	18.417.209.670
- Khấu hao trong năm	1.551.130.146	-	1.551.130.146
Số dư cuối năm	19.968.339.816	-	19.968.339.816
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	18.707.588.185	3.465.425.000	22.173.013.185
Tại ngày cuối năm	17.288.703.039	3.465.425.000	20.754.128.039

Đây là các tài sản là Nhà xưởng và Quyền sử dụng đất tại địa chỉ Số 71/4A, Khu phố 7, Đường Hiệp Phước Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty đã cho thuê theo hợp đồng thuê tài sản ký ngày 25 tháng 11 năm 2020 giữa Công ty và Công ty TNHH Goldfinger. Thời hạn thuê theo hợp đồng là 5 năm kể từ thời điểm ký biên bản giao nhà xưởng ngày 01 tháng 12 năm 2020.

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn (Xem thuyết minh số 19).

Nhà xưởng đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn (Xem thuyết minh số 19).

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 chưa được trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (Tiếp theo)

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

STT	Danh mục bất động sản đầu tư	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
1	Nhà xưởng nhà máy I	29.473.035.327	12.378.674.826	17.094.360.501
2	Hệ thống dây điện xưởng	4.429.188.116	4.429.188.116	-
3	Lắp đặt hệ thống thang máy	826.648.409	826.648.409	-
4	Hệ thống dây điện xưởng I	238.314.400	238.314.400	-
5	Phí bảo hiểm rủi ro xây dựng NMI	49.950.000	20.979.000	28.971.000
6	Đường ống sắt tráng kẽm hệ thống chữa cháy vách tường	100.108.000	85.508.944	14.599.056
7	Khoang Giếng Công nghiệp	43.906.000	43.906.000	-
8	Hệ thống PCCC NMI	837.297.513	837.297.513	-
9	Tường rào nhà xưởng	200.000.000	200.000.000	-
10	Hệ thống thang thoát hiểm	110.909.090	105.363.645	5.545.445
11	Mái hiện nhà kho (HĐ 20/06/2018 HĐKT)	124.200.000	111.780.000	12.420.000
12	Mái hiện nhà kho theo HĐ số 10/07/2018 HĐKT ngày 12/07/2018	79.719.000	70.418.450	9.300.550
13	Mái hiện nhà kho theo HĐ số 08/08/2018 HĐKT ngày 08/08/2018	132.912.000	117.405.600	15.506.400
14	Máy bơm chữa cháy Diesel hyundai D4BB	133.000.000	133.000.000	-
15	Hệ thống xử lý nước thải	345.610.000	345.610.000	-
16	Thi công lắp đặt hệ thống báo cháy	132.245.000	24.244.913	108.000.087
17	Quyền sử dụng đất	3.465.425.000	-	3.465.425.000
Cộng		40.722.467.855	19.968.339.816	20.754.128.039

Nguyên giá của Bất động sản đầu tư bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 với giá trị là 6.815.650.038 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 1.907.851.922 VND).

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Sài Gòn Tây Bắc (SCD)	7.401.682.288	7.401.682.288	-	-
Công ty TNHH SX-TM Hóa keo Bình Thạnh	1.267.382.325	1.267.382.325	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại Dịch vụ An Thịnh Phúc	1.999.460.126	1.999.460.126	1.450.325.666	1.450.325.666
Công ty TNHH Gỗ Phương Đông	312.860.330	312.860.330	1.599.491.812	1.599.491.812
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu may Hải Nam Anh	74.428.470	74.428.470	1.081.399.990	1.081.399.990
Các nhà cung cấp khác	1.272.796.672	1.272.796.672	3.290.834.454	3.290.834.454
Cộng	12.328.610.211	12.328.610.211	7.422.051.922	7.422.051.922

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Kukkia Co., Ltd	735.899.671	2.201.578.672
Sanyei Scandinavia A/S	-	4.184.006.400
IDEA Co., Ltd	-	1.325.347.078
Các khách hàng khác	1.893.725.410	4.389.163.401
Cộng	2.629.625.081	12.100.095.551

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.446.617.674	179.429.828
Kinh phí công đoàn	122.657.784	56.517.102
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	303.708.037	105.657.649
Nhận ký quỹ, ký cược	1.000.000.000	-
Các khoản phải trả khác	20.251.853	17.255.077
b) Dài hạn	1.581.720.000	1.681.720.000
Nhận ký quỹ, ký cược	1.581.720.000	1.681.720.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOASố nhà 71/4a Đường Hiệp Thành 13, Khu phố 17,
Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DNBan hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**19. VAY**

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
		trả nợ				trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	94.560.566.106	94.560.566.106	223.083.960.199	(270.342.552.064)	47.301.974.241	47.301.974.241
Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn (i)	73.766.244.906	73.766.244.906	199.519.070.061	(231.133.230.864)	42.152.084.103	42.152.084.103
Vay dài hạn đến hạn trả (ii)	20.794.321.200	20.794.321.200	23.564.890.138	(39.209.321.200)	5.149.890.138	5.149.890.138
b) Vay dài hạn	29.999.423.200	29.999.423.200	-	(23.564.890.138)	6.434.533.062	6.434.533.062
Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn (ii)	29.999.423.200	29.999.423.200	-	(23.564.890.138)	6.434.533.062	6.434.533.062
Cộng	124.559.989.306	124.559.989.306	223.083.960.199	(293.907.442.202)	53.736.507.303	53.736.507.303

- (i) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam - Chi nhánh Chợ lớn, lãi suất cho vay theo từng khế ước và tùy thuộc vào từng thời kỳ, khoản vay nhằm tài trợ cho việc thanh toán nhập khẩu/ mua hàng hóa/ nguyên vật liệu và bổ sung vốn lưu động.

Tài sản thế chấp bao gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại địa chỉ 71/4a khu phố 7, Đường Hiệp Thành 13, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại địa chỉ Lô C5-9, KCN Tân Phú Trung, Ấp Trạm Bom, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh..
- Máy móc thiết bị được nhập khẩu theo hợp đồng thế chấp số PBVN_CLN/000624/18..
- Các khoản phải thu với giá trị tối thiểu tại mọi thời điểm là 3.000.000.000 VND và 600.000 USD.
- Hàng tồn kho với giá trị tối thiểu tại mọi thời điểm là 20.000.000.000 VND.

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam - Chi nhánh Chợ lớn, lãi suất cho vay theo từng khế ước và tùy thuộc vào từng thời kỳ nhằm mục đích mua máy móc thiết bị nhập khẩu.

Tài sản thế chấp bao gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại địa chỉ 71/4a khu phố 7, Đường Hiệp Thành 13, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh và máy móc thiết bị.
- Tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại địa chỉ Lô C5-9, KCN Tân Phú Trung, Ấp Trạm Bom, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

19. VAY (Tiếp theo)

Lịch trả nợ các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	5.149.890.138	20.794.321.200
Trong năm thứ hai	5.149.890.138	20.794.321.200
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.284.642.924	9.205.102.000
Tổng cộng	11.584.423.200	50.793.744.400
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	5.149.890.138	20.794.321.200
Số phải trả sau 12 tháng	6.434.533.062	29.999.423.200

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số đầu năm trước	154.115.410.000	54.233.986.309	208.349.396.309
Lợi nhuận trong năm trước	-	64.002.682.805	64.002.682.805
Chia cổ tức	-	(30.774.140.000)	(30.774.140.000)
Số dư cuối năm trước	154.115.410.000	87.462.529.114	241.577.939.114
Lợi nhuận trong năm nay	-	74.902.943.459	74.902.943.459
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (i)	86.166.280.000	(86.166.280.000)	-
Số dư cuối năm	240.281.690.000	76.199.192.573	316.480.882.573

Đơn vị: VND

- (i) Dựa theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020 đã được thông qua trong Nghị quyết số 01/NQ.ĐHĐCĐTN/2021 ngày 24 tháng 4 năm 2021, Công ty thực hiện chia cổ tức năm 2020 đợt cuối bằng cổ phiếu với tổng số lượng cổ phiếu phát hành là 3.077.355 cổ phần (tổng giá trị là 30.773.550.000 VND) theo Nghị quyết số 01/2022-NQHĐQT-NHT ngày 06/01/2022 của Hội đồng Quản trị và Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 01/22/NHT-BCKQPHCP ngày 27/01/2022. Số lượng chứng khoán tương đương với số vốn tăng thêm đã được niêm yết từ ngày 04 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định thay đổi đăng ký niêm yết số 124/QĐ-SGDHCM ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Nghị quyết số 01/NQ.ĐHĐCĐTN/2022 ngày 29 tháng 4 năm 2022, Công ty thực hiện chia cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu với tổng số lượng cổ phiếu phát hành là 5.539.273 cổ phần (tổng giá trị là 55.392.730.000 VND) theo Nghị quyết số 12/2022-NQHĐQT-NHT ngày 25/10/2022, Nghị quyết số 14/2022-NQHĐQT-NHT ngày 14/11/2022 của Hội đồng Quản trị và Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 02/22/NHT-BCKQPHCP ngày 14/11/2022. Số lượng chứng khoán tương đương với số vốn tăng thêm đã được niêm yết từ ngày 12 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định thay đổi đăng ký niêm yết số 873/QĐ-SGDHCM ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Chi tiết Vốn điều lệ đã được góp đủ như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Ông Đoàn Hương Sơn	5.864.212	24,41%	3.579.111	23,22%
Ông Lê Duy Anh	3.120.000	12,98%	2.000.000	12,98%
Bà Bùi Thị Hiền	2.398.206	9,98%	1.537.312	9,98%
Bà Trần Thị Thanh Hương	1.560.000	6,49%	1.000.000	6,49%
Ông Nguyễn Tiến Thọ	803.790	3,35%	515.250	3,34%
Cổ phiếu quỹ	24.471	0,10%	24.471	0,16%
Các cổ đông khác	10.257.490	42,69%	6.755.397	43,83%
Tổng cộng	24.028.169	100%	15.411.541	100%

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303292182 sửa đổi lần 11 ngày 01 tháng 6 năm 2022, Vốn điều lệ của Công ty là 184.888.960.000 VND, tương đương 18.488.896 cổ phần. Hiện Công ty đang thực hiện thủ tục để đăng ký thay đổi Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh theo số vốn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 240.281.690.000 VND, tương đương 24.028.169 cổ phần.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng Cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.028.169	15.411.541
+ Cổ phiếu phổ thông	24.028.169	15.411.541
- Số lượng cổ phiếu quỹ	24.471	24.471
+ Cổ phiếu phổ thông	24.471	24.471
- Số lượng Cổ phiếu đang lưu hành	24.003.698	15.387.070
+ Cổ phiếu phổ thông	24.003.698	15.387.070

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	613.737,72	663.410,64
Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)	233,96	233,68

22. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Hoạt động sản xuất kinh doanh các mặt hàng đồ chơi, đồ gia dụng từ gỗ tạo ra toàn bộ doanh thu và lợi nhuận cho Công ty. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất các mặt hàng đồ chơi, đồ gia dụng từ gỗ. Mặc dù Công ty có bán hàng trong nước và xuất khẩu, tuy nhiên, toàn bộ hoạt động sản xuất đều diễn ra tại một khu vực địa lý là Thành phố Hồ Chí Minh, vì vậy Công ty không trình bày thêm thông tin bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

23. DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	309.247.473.341	282.735.962.134
Doanh thu bán thành phẩm trong nước	418.048.682	5.747.405.360
Doanh thu bán thành phẩm xuất khẩu	301.684.050.940	270.661.324.785
Doanh thu cho thuê nhà xưởng	6.326.880.000	5.799.640.000
Doanh thu khác	818.493.719	527.591.989
Các khoản giảm trừ doanh thu	164.904.839	461.193.349
Chiết khấu thương mại	-	2.906.400
Hàng bán bị trả lại	164.904.839	458.286.949
Doanh thu thuần về bán hàng	309.082.568.502	282.274.768.785

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn bán thành phẩm trong nước	38.026.698	4.618.658.535
Giá vốn thành phẩm xuất khẩu	194.845.275.306	183.809.936.930
Giá vốn cho thuê nhà xưởng	2.252.783.684	2.274.965.715
Cộng	197.136.085.688	190.703.561.180

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	96.626.598.985	86.024.486.124
Chi phí nhân công	90.395.303.427	81.377.045.908
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.882.682.725	10.081.519.671
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.716.079.391	20.494.266.575
Chi phí khác bằng tiền	3.277.307.344	4.140.708.160
Cộng	219.897.971.872	202.118.026.438

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	151.262.844	1.700.270
Cổ tức được chia	5.750.100.000	10.592.651.060
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.897.549.950	2.801.182.293
Cộng	7.798.912.794	13.395.533.623

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	3.712.227.592	7.991.001.385
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	2.016.816.061	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá	5.521.663.701	1.099.603.971
Chi phí tài chính khác	49.645.421	-
Cộng	11.300.352.775	9.090.605.356

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	3.347.849.144	3.945.729.991
Chi phí khấu hao TSCĐ	48.858.000	48.858.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.696.631.801	11.364.386.351
Các khoản chi phí bán hàng khác	440.939.809	291.934.495
Cộng	12.534.278.754	15.650.908.837
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	7.352.262.970	6.832.294.321
Chi phí khấu hao TSCĐ	239.596.251	215.067.904
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.170.543.321	2.895.475.766
Các khoản chi phí QLDN khác	1.056.469.991	961.523.567
Cộng	12.818.872.533	10.904.361.558

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	83.111.671.440	70.632.327.806
- Các khoản điều chỉnh tăng	651.612.051	2.012.828.274
Thu nhập chịu thuế	83.763.283.491	72.645.156.080
Thu nhập không tính thuế (cổ tức được chia)	(5.750.100.000)	(4.544.962.294)
Thu nhập tính thuế	78.013.183.491	68.100.193.786
- Thu nhập tính thuế được hưởng ưu đãi thuế	73.939.087.175	58.527.830.735
- Thu nhập tính thuế không được hưởng ưu đãi thuế	4.074.096.316	3.524.674.285
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho phần thu nhập được hưởng ưu đãi thuế	14.787.817.435	11.705.566.147
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho phần thu nhập không được hưởng ưu đãi thuế	814.819.263	704.934.857
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm (i)	(7.393.908.718)	(5.852.783.074)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	8.208.727.981	6.557.717.931
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	71.927.070
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.208.727.981	6.629.645.001

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (Tiếp theo)

- (i) Công ty được miễn thuế 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới của Nhà máy Nam Hoa tại Khu công nghiệp Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh. Năm 2022 là năm thứ hai Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Ngoài khoản chi phí không được khấu trừ nêu trên, Công ty xác định không có khoản chi phí nào khác nữa mà không được khấu trừ. Tuy nhiên, việc xác định nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ tùy thuộc vào quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	53.736.507.303	124.559.989.306
Trừ: Tiền	17.285.946.692	19.805.129.366
Nợ thuần	36.450.560.611	104.754.859.940
Vốn chủ sở hữu	316.480.882.573	241.577.939.114
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,12	0,43

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền	17.285.946.692	19.805.129.366	17.285.946.692	19.805.129.366
Phải thu khách hàng và phải thu khác	21.761.042.145	27.405.988.569	21.761.042.145	27.405.988.569
Cho vay	9.000.000.000	-	9.000.000.000	-
Các khoản ký quỹ	1.505.000.000	11.000.000	1.505.000.000	11.000.000
Tổng cộng	49.551.988.837	47.222.117.935	49.551.988.837	47.222.117.935
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	53.736.507.303	124.559.989.306	53.736.507.303	124.559.989.306
Phải trả người bán và phải trả khác	14.930.582.064	9.479.082.061	14.930.582.064	9.479.082.061
Chi phí phải trả	444.410.994	7.348.829.631	444.410.994	7.348.829.631
Tổng cộng	69.111.500.361	141.387.900.998	69.111.500.361	141.387.900.998

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính theo như Thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

36-
HAI
HÓ
NG T
IEM
MTO
AC
T-T.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Số cuối năm	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tài sản tài chính			
Tiền	17.285.946.692	-	17.285.946.692
Phải thu khách hàng và phải thu khác	21.761.042.145	-	21.761.042.145
Cho vay	9.000.000.000	-	9.000.000.000
Các khoản ký quỹ	1.500.000.000	5.000.000	1.505.000.000
Tổng cộng	49.546.988.837	5.000.000	49.551.988.837
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	47.301.974.241	6.434.533.062	53.736.507.303
Phải trả người bán và phải trả khác	13.348.862.064	1.581.720.000	14.930.582.064
Chi phí phải trả	444.410.994	-	444.410.994
Tổng cộng	61.095.247.299	8.016.253.062	69.111.500.361
Chênh lệch thanh khoản thuần	(11.548.258.462)	(8.011.253.062)	(19.559.511.524)
Số đầu năm	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tài sản tài chính			
Tiền	19.805.129.366	-	19.805.129.366
Phải thu khách hàng và phải thu khác	27.405.988.569	-	27.405.988.569
Các khoản ký quỹ	-	11.000.000	11.000.000
Tổng cộng	47.211.117.935	11.000.000	47.222.117.935
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	94.560.566.106	29.999.423.200	124.559.989.306
Phải trả người bán và phải trả khác	7.797.362.061	1.681.720.000	9.479.082.061
Chi phí phải trả	7.348.829.631	-	7.348.829.631
Tổng cộng	109.706.757.798	31.681.143.200	141.387.900.998
Chênh lệch thanh khoản thuần	(62.495.639.863)	(31.670.143.200)	(94.165.783.063)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao, tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

31. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua sắm tài sản cố định trong năm đã bao gồm số tiền 375.000.000 VND là khoản mua tài sản cố định năm trước được thanh toán trong năm nay nhưng không bao gồm 27.720.000 VND là khoản mua tài sản cố định năm nay đã được thanh toán vào năm trước. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả, phải thu.

Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định trong năm không bao gồm 1.140.000.000 VND là khoản thanh lý tài sản trong năm nay nhưng chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Tiền lãi vay đã trả trong năm bao gồm 305.013.551 VND là khoản chi phí lãi vay phát sinh năm trước thanh toán trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty đã thuê đất tại Khu Công nghiệp Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng thuê đất số 110/HĐTĐ/SCD-2018 ngày 30 tháng 10 năm 2018 với Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc (SCD) để xây dựng nhà máy. Thời gian thuê từ ngày 30 tháng 10 năm 2018 đến ngày 16 tháng 12 năm 2054, tiền thuê đã được thanh toán. Công ty đã phân bổ vào chi phí trong năm 947.718.600 VND đối với khoản tiền thuê đất này.



Nguyễn Tiên Thọ
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Nguyễn Đức Cường
Kế toán trưởng

Vương Thị Ngọc Linh
Người lập biểu



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành, quản lý đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đoàn Hương Sơn	Chủ tịch
Ông Lê Duy Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Thọ	Thành viên
Bà Bùi Thị Minh Tâm	Thành viên
Ông Phạm Hải Văn	Thành viên

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Đào Ngọc Thu	Trưởng ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Linh Chi	Thành viên
Ông Đinh Công Hương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Tiến Thọ	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Việt Phương	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022)
Ông Lưu Vũ Sơn	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022)

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Tiến Thọ - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được ghi chép một cách phù hợp, lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA

Số nhà 71/4a Đường Hiệp Thành 13, Khu phố 17, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Thiên Thọ

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2023

AGI
CHI
HAI
C
KI
HAI

Số: 088/VACO/BCKT.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa ("Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2023, từ trang 04 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "Báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Đức Điền
Giám đốc chi nhánh
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2023



Nguyễn Ngọc Thạch
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1822-2023-156-1

56-
NH
Ổ H
YNG
NỘP
EMT
/A
4H-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		302.097.260.444	376.248.331.807
I. Tiền	110	4	25.342.261.470	20.443.878.576
1. Tiền	111		25.342.261.470	20.443.878.576
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		22.331.034.135	4.968.027.827
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5	19.379.822.369	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5	(2.016.816.061)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	4.968.027.827	4.968.027.827
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		67.001.923.050	94.356.706.493
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	52.208.235.874	55.083.497.311
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	11.863.781.932	36.975.697.489
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	4.436.506.419	3.802.995.168
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(1.506.601.175)	(1.505.483.475)
IV. Hàng tồn kho	140	11	170.385.265.760	245.281.097.135
1. Hàng tồn kho	141		171.629.310.853	246.525.142.228
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.244.045.093)	(1.244.045.093)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.036.776.029	11.198.621.776
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	1.957.495.960	2.253.050.003
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		15.048.290.883	8.945.571.773
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	30.989.186	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		449.767.219.091	490.763.672.214
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		203.220.000	209.220.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	203.220.000	209.220.000
II. Tài sản cố định	220		285.291.163.927	314.371.874.001
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	282.530.434.332	310.398.794.975
- Nguyên giá	222		515.284.068.873	511.239.264.142
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(232.753.634.541)	(200.840.469.167)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	15	562.251.893	1.526.112.381
- Nguyên giá	225		3.604.000.000	3.604.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(3.041.748.107)	(2.077.887.619)
3. Tài sản cố định vô hình	227	16	2.198.477.702	2.446.966.645
- Nguyên giá	228		5.250.782.520	4.886.782.520
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.052.304.818)	(2.439.815.875)
III. Bất động sản đầu tư	230	17	20.754.128.039	22.173.013.185
- Nguyên giá	231		40.722.467.855	40.590.222.855
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(19.968.339.816)	(18.417.209.670)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	3.932.949.538
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	3.932.949.538
V. Tài sản dài hạn khác	260		143.518.707.125	150.076.615.490
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	143.518.707.125	150.076.615.490
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		751.864.479.535	867.012.004.021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		315.855.872.390	488.915.366.137
I. Nợ ngắn hạn	310		271.298.118.424	419.158.265.727
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	45.820.639.653	58.109.207.236
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	2.715.940.523	13.658.549.684
3. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	8.459.562.617	4.317.720.792
4. Phải trả người lao động	314		13.374.181.602	25.370.883.800
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	444.410.994	7.706.508.546
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	2.914.351.718	9.152.639.883
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	197.569.031.317	300.842.755.786
II. Nợ dài hạn	330		44.557.753.966	69.757.100.410
1. Phải trả dài hạn khác	337	21	3.781.720.000	2.474.841.290
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	6.833.908.062	31.697.773.254
3. Thuê thu nhập hoãn lại phải trả	341	23	33.942.125.904	35.584.485.866
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		436.008.607.145	378.096.637.884
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	436.008.607.145	378.096.637.884
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		240.281.690.000	154.115.410.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		240.281.690.000	154.115.410.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		68.808.471.108	88.753.124.154
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.586.844.154	34.863.603.840
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		66.221.626.954	53.889.520.314
3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		126.918.446.037	135.228.103.730
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 410)	440		751.864.479.535	867.012.004.021

TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 410)



Nguyễn Tiến Thọ
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Nguyễn Đức Cường
Kế toán trưởng

Vương Thị Ngọc Linh
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		884.082.626.075	929.907.090.346
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3.856.609.219	865.768.717
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	27	880.226.016.856	929.041.321.629
4. Giá vốn hàng bán	11	28	712.861.662.343	763.070.226.358
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		167.364.354.513	165.971.095.271
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	6.687.390.964	8.415.023.003
7. Chi phí tài chính	22	31	30.078.109.424	19.417.693.593
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.066.861.587	15.524.554.875
8. Chi phí bán hàng	25	32	31.036.392.662	40.211.695.479
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	49.328.682.442	56.643.039.559
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		63.608.560.949	58.113.689.643
11. Thu nhập khác	31	33	8.293.944.579	5.005.644.882
12. Chi phí khác	32		1.705.027.919	1.933.827.662
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		6.588.916.660	3.071.817.220
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		70.197.477.609	61.185.506.863
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	8.402.268.310	8.477.661.416
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	35	(1.642.359.962)	(1.642.359.962)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		63.437.569.261	54.350.205.409
18. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	61		66.221.626.954	53.889.520.314
19. Lợi nhuận sau thuế cổ đông không kiểm soát	62		(2.784.057.693)	460.685.095
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	2.759	2.245



Nguyễn Tiến Thọ
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Nguyễn Đức Cường
Kế toán trưởng

Vương Thị Ngọc Linh
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	70.197.477.609	61.185.506.863
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	39.202.563.337	38.225.194.194
- Các khoản dự phòng	03	2.017.933.761	34.354.726
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	753.199.872	730.614.797
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(355.667.054)	(186.551.347)
- Chi phí lãi vay	06	10.066.861.587	15.524.554.875
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	121.882.369.112	115.513.674.108
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	20.463.531.581	20.319.667.702
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	74.895.831.375	(45.508.579.331)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(45.086.259.238)	(19.417.882.944)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	6.853.462.408	7.596.794.631
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	(19.379.822.369)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(10.729.554.053)	(15.683.349.377)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.442.732.210)	(3.818.617.077)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	144.456.826.606	59.001.707.712
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21	(7.134.626.756)	(19.739.933.747)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	922.727.273	27.272.727
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	235.946.674	34.048.620
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.975.952.809)	(19.678.612.400)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	661.009.540.499	804.767.486.450
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(788.097.931.141)	(809.761.748.147)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(1.657.218.612)	(792.879.984)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.407.040.000)	(49.846.957.384)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(134.152.649.254)	(55.634.099.065)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	4.328.224.543	(16.311.003.753)
Tiền đầu năm	60	20.443.878.576	36.786.585.644
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	570.158.351	(31.703.315)
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	25.342.261.470	20.443.878.576



Nguyễn Tiến Thọ
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Nguyễn Đức Cường
Kế toán trưởng

Vương Thị Ngọc Linh
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303292182, ngày 11 tháng 5 năm 2004. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 ngày 01 tháng 6 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.415 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 1.821 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất và thương mại.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh đồ dùng gia đình, trang trí nội thất và các sản phẩm đồ chơi trẻ em bằng gỗ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các công ty con được hợp nhất

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp) và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- Bất động sản đầu tư xác định được giá trị hợp lý được trình bày cụ thể tại các thuyết minh số 17;*
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a, b và c trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con do Công ty mẹ kiểm soát được lập tại ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại công ty mẹ và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

50
NH
10H
ONG
4NH
EM
VA
NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Hợp nhất kinh doanh (Tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Bất lợi thương mại

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi kinh doanh được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư tài chính ngắn hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

00
INH
SCK
TY
AH
TOAI
CC
T.P

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)*****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền cuối tháng và hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí bảo hiểm: Chi phí bảo hiểm đã mua trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 01 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí trả trước (Tiếp theo)**

Tiền thuê đất: Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê.

Giá trị lợi thế quyền thuê đất: Giá trị lợi thế quyền thuê đất phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh, được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê còn lại.

Chi phí sửa chữa và các khoản khác: Chi phí sửa chữa và các khoản khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 03 năm.

Tài sản thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm. Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 36
Máy móc, thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 15
Tài sản cố định khác	06 – 08

Tài sản cố định thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định thuê tài chính (Tiếp theo)

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty. Tuy nhiên, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó:

Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là Máy móc, thiết bị được khấu hao trong 04 năm.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Bảng sáng chế và thương hiệu

Bảng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng từ 5 đến 25 năm.

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất lâu dài.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả (Tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông theo Điều lệ của Công ty, Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu là chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu, giảm giá, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu, giảm giá, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm nay.
- Nếu khoản chiết khấu, giảm giá, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính năm trước.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các Chuẩn mực Kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách các Bên liên quan của Công ty:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Thương mại Trảng An - Việt Nam	Chủ tịch HĐQT là Tổng Giám đốc của Công ty liên quan
Công ty Cổ phần Xuân Hòa - Việt Nam	Thành viên HĐQT là Tổng Giám đốc của Công ty liên quan
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Quản lý và các thành viên có quan hệ mật thiết với các thành viên này	Nhân sự chủ chốt và các thành viên có quan hệ mật thiết

Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

4. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	357.656.736	273.944.744
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	24.984.604.734	20.169.933.832
Cộng	25.342.261.470	20.443.878.576

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOASố nhà 71/4a Đường Hiệp Thành 13, Khu phố 17,
Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN/HNBan hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**5. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Đầu tư cổ phiếu	8.057.761.061	(2.016.816.061)	6.040.945.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX (cổ phiếu GEX)	1.508.959.100	(20.959.100)	1.488.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (cổ phiếu TCB)	1.316.701.150	(541.201.150)	775.500.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (cổ phiếu VPB)	1.203.068.620	(253.473.620)	949.595.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM (cổ phiếu HDB)	1.113.390.000	(315.890.000)	797.500.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội (cổ phiếu MBB)	804.735.200	(223.335.200)	581.400.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (cổ phiếu MSB)	765.612.000	(278.112.000)	487.500.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect (cổ phiếu VND)	481.462.800	(211.462.800)	270.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (cổ phiếu SSI)	341.823.241	(102.873.241)	238.950.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (cổ phiếu CTG)	338.270.400	(65.770.400)	272.500.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (cổ phiếu HPG)	183.738.550	(3.738.550)	180.000.000	-	-	-
b) Đầu tư khác (i)	11.322.061.308	-	8.425.635.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (cổ phiếu VPB)	3.809.800.690	-	3.168.300.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội (cổ phiếu MBB)	4.157.179.019	-	3.071.160.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (cổ phiếu TCB)	1.901.865.992	-	1.176.175.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Vinhomes (cổ phiếu VHM)	952.841.664	-	576.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long (cổ phiếu NLG)	500.373.942	-	434.000.000	-	-	-
Cộng	19.379.822.369	(2.016.816.061)	14.466.580.000	-	-	-

(i) Thực hiện theo Nghị quyết Hội đồng quản trị ("HĐQT") số 01/NQHĐQT/2022 ngày 02 tháng 01 năm 2022 về việc giao quyền thực hiện hoạt động đầu tư thông qua hình thức đầu tư mua bán chứng khoán cho ông Lê Duy Anh – Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê; Thực hiện theo Biên bản thỏa thuận ngày 01 tháng 11 năm 2022, Công ty đã giao quyền quản lý và sử dụng tài khoản chứng khoán của Công ty cho Ông Lê Duy Anh với hạn mức đầu tư là 20.000.000.000 VND. Quyền lợi và nghĩa vụ của người nhận ủy quyền đầu tư được quy định cụ thể như sau:

- Được hưởng 10% trên số lợi nhuận phát sinh từ hoạt động đầu tư;
- Có trách nhiệm bồi hoàn các khoản lỗ phát sinh bao gồm: Khoản lỗ phát sinh từ giao dịch trong kỳ và khoản lỗ dự kiến xác định theo giá thị trường tại ngày đóng cửa liền trước ngày rút vốn của khoản đầu tư.

Dựa theo Thỏa thuận nêu trên, tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 Công ty xác định các khoản tổn thất do giảm giá chứng khoán kinh doanh đã được Ông Lê Duy Anh có trách nhiệm chi trả cho Công ty con, do đó Công ty con không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đối với khoản đầu tư này (xem thêm Thuyết minh số 9).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đây là các số dư tiền gửi ngân hàng với kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 4,6%/năm. Công ty đã dùng toàn bộ khoản tiền gửi ngân hàng này làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay (xem Thuyết minh số 22).

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Rosendahl Design Group	14.583.490.791	16.229.163.888
Riverside Furniture Corp	8.704.788.072	7.623.717.960
Stanley Black & Decker Limited BVBA	-	5.555.508.638
Ashley Furniture Trading Company LLC	-	4.075.787.013
Các đối tượng khác	28.919.957.011	21.599.319.812
Cộng	<u>52.208.235.874</u>	<u>55.083.497.311</u>

Một phần giá trị các khoản công nợ phải thu được dùng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn (xem Thuyết minh số 22).

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Le Lumber	5.841.008.672	17.942.916.622
Global Timber	1.821.705.762	-
Công ty TNHH Timber Phoenix	-	9.424.500.000
Công ty TNHH Gỗ Lam	-	1.504.949.213
Các đối tượng khác	4.201.067.498	8.103.331.654
Cộng	<u>11.863.781.932</u>	<u>36.975.697.489</u>

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	<u>4.436.506.419</u>	<u>3.802.995.168</u>
Bên liên quan	<u>2.248.679.930</u>	<u>100.000.000</u>
Ông Lê Duy Anh (i)	2.248.679.930	-
Ông Nguyễn Tiến Thọ - Tiền tạm ứng	-	100.000.000
Các đối tượng khác	<u>2.187.826.489</u>	<u>3.702.995.168</u>
Ký quỹ, ký cược	1.513.169.375	1.021.198.692
Tiền lãi dự thu	123.977.784	125.230.000
Tạm ứng	286.710.900	96.137.808
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	100.939.127	230.053.335
Khác	163.029.303	2.230.375.333
b) Dài hạn	<u>203.220.000</u>	<u>209.220.000</u>
Ký quỹ, ký cược	203.220.000	209.220.000

- (i) Khoản phải thu từ Ông Lê Duy Anh – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty con về tồn thất đầu tư chứng khoán đã phát sinh trong năm (xem Thuyết minh số 05).

02-C
NH
SHIMI
TY
HUUU
SAN
CO
I.P.H.C

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. NỢ XẤU

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	VND Giá gốc	VND Giá trị có thể thu	Thời gian quá hạn	VND Giá gốc	VND Giá trị có thể thu	Thời gian quá hạn
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.405.805.478	-		1.404.687.778	-	
Công ty TNHH Tuấn Lộc	1.235.798.385	-	Trên 3 năm	1.235.798.385	-	Trên 3 năm
Orda Korea Co., Ltd	79.221.374	-	Trên 3 năm	79.221.374	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH SX TM & Dịch vụ Huyền Trang Nguyễn	39.600.000	-	Trên 3 năm	39.600.000	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH TM Dịch vụ SX Hoàng Bảo Nguyễn	11.236.280	-	Trên 3 năm	11.236.280	-	Trên 3 năm
Các đối tượng khác	39.949.439	-		38.831.739	-	
b) Trả trước cho người bán ngắn hạn	100.795.697	-		100.795.697	-	
Công ty TNHH Huỳnh Đại Sơn	67.615.733	-	Trên 3	67.615.733	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH MTV SX TM DV An Bình Nguyễn	33.179.964	-	Trên 3 năm	33.179.964	-	Trên 3 năm
Cộng	1.506.601.175	-		1.505.483.475	-	

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	-	-	947.700.713	-
Nguyên liệu, vật liệu	111.605.361.329	232.830.488	144.999.746.444	232.830.488
Công cụ, dụng cụ	2.959.362.581	31.921.844	3.956.383.612	31.921.844
Chi phí SXKD dở dang	27.944.423.538	-	38.900.184.715	-
Thành phẩm	28.763.595.238	979.292.761	40.608.716.346	979.292.761
Hàng hóa	94.034.184	-	-	-
Hàng gửi bán	262.533.983	-	17.112.410.398	-
Cộng	171.629.310.853	1.244.045.093	246.525.142.228	1.244.045.093

Một phần giá trị hàng tồn kho được dùng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn (xem Thuyết minh số 22).

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.957.495.960	2.253.050.003
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	483.972.765	684.258.924
Chi phí bảo hiểm	1.145.582.702	1.104.512.125
Chi phí sửa chữa	51.942.863	59.079.167
Các khoản khác	275.997.630	405.199.787
b) Dài hạn	143.518.707.125	150.076.615.490
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	563.871.093	753.975.164
Tiền thuê đất (i)	30.326.995.300	31.274.713.900
Giá trị lợi thế quyền thuê đất (ii)	112.099.678.255	116.675.175.327
Các khoản khác	528.162.477	1.372.751.099

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (Tiếp theo)

- (i) Đây là giá trị tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, được Công ty phân bổ trong thời gian 426 tháng kể từ tháng 7 năm 2019.
- (ii) Giá trị lợi thế quyền thuê đất phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh, được Công ty xác định theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 03/NQ-HĐQT-NH.2021 ngày 08 tháng 4 năm 2021. Nghị quyết này đã thông qua kết quả báo cáo tư vấn của một công ty kiểm toán về giá trị doanh nghiệp và lợi thế quyền thuê đất của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quế.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU / PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	(18.411.047)	18.411.047
Thuế xuất, nhập khẩu	-	5.689.404	(18.267.543)	12.578.139
Cộng	-	5.689.404	(36.678.590)	30.989.186
b) Các khoản phải nộp				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	3.875.509.578	(3.689.390.149)	186.119.429
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.316.631.051	(1.316.631.051)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	387.294.667	(387.294.667)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.184.590.751	8.402.268.310	(4.442.732.210)	8.144.126.851
Thuế thu nhập cá nhân	133.130.041	1.820.343.344	(1.824.157.048)	129.316.337
Các loại thuế, phí khác	-	282.692.398	(282.692.398)	-
Cộng	4.317.720.792	16.084.739.348	(11.942.897.523)	8.459.562.617

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCD hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số đầu năm	293.376.811.231	153.645.179.367	49.245.287.206	6.217.442.079	8.754.544.259	511.239.264.142
- Mua trong năm	3.774.807.800	1.211.805.276	-	88.915.180	-	5.075.528.256
- Đầu tư XDCB hoàn thành	444.702.951	3.488.246.587	-	-	-	3.932.949.538
- Thanh lý, nhượng bán	-	(3.954.582.154)	(1.009.090.909)	-	-	(4.963.673.063)
Số cuối năm	297.596.321.982	154.390.649.076	48.236.196.297	6.306.357.259	8.754.544.259	515.284.068.873
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ						
Số đầu năm	87.041.210.233	79.422.966.993	29.006.789.939	3.531.650.907	1.837.851.095	200.840.469.167
- Khấu hao trong năm	11.010.177.136	18.338.336.730	4.960.136.639	746.377.337	1.020.055.918	36.075.083.760
- Thanh lý, nhượng bán	-	(3.415.611.542)	(746.306.844)	-	-	(4.161.918.386)
Số cuối năm	98.051.387.369	94.345.692.181	33.220.619.734	4.278.028.244	2.857.907.013	232.753.634.541
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số đầu năm	206.335.600.998	74.222.212.374	20.238.497.267	2.685.791.172	6.916.693.164	310.398.794.975
Số cuối năm	199.544.934.613	60.044.956.895	15.015.576.563	2.028.329.015	5.896.637.246	282.530.434.332

Nguyên giá của TSCD hữu hình bao gồm các TSCD hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 với giá trị là 31.282.876.873 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 27.689.792.740 VND).

Một phần Nhà cửa vật kiến trúc và Máy móc, thiết bị đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn (xem Thuyết minh số 22).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***15. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số đầu năm	3.604.000.000	3.604.000.000
Số cuối năm	3.604.000.000	3.604.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số đầu năm	2.077.887.619	2.077.887.619
- Khấu hao trong năm	963.860.488	963.860.488
Số cuối năm	3.041.748.107	3.041.748.107
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số đầu năm	1.526.112.381	1.526.112.381
Số cuối năm	562.251.893	562.251.893

16. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	699.300.000	4.187.482.520	4.886.782.520
- Mua trong năm	-	364.000.000	364.000.000
Số cuối năm	699.300.000	4.551.482.520	5.250.782.520
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	466.200.000	1.973.615.875	2.439.815.875
- Khấu hao trong năm	43.706.250	568.782.693	612.488.943
Số cuối năm	509.906.250	2.542.398.568	3.052.304.818
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	233.100.000	2.213.866.645	2.446.966.645
Số cuối năm	189.393.750	2.009.083.952	2.198.477.702

Nguyên giá của TSCĐ vô hình bao gồm các TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 với giá trị là 449.711.520 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 449.711.520 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà xưởng	đất	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ			
Số đầu năm	37.124.797.855	3.465.425.000	40.590.222.855
- Mua trong năm	132.245.000	-	132.245.000
Số cuối năm	37.257.042.855	3.465.425.000	40.722.467.855
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	18.417.209.670	-	18.417.209.670
- Khấu hao trong năm	1.551.130.146	-	1.551.130.146
Số cuối năm	19.968.339.816	-	19.968.339.816
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	18.707.588.185	3.465.425.000	22.173.013.185
Số cuối năm	17.288.703.039	3.465.425.000	20.754.128.039

Đây là các tài sản là Nhà xưởng và Quyền sử dụng đất tại địa chỉ Số 71/4A, Khu phố 7, Đường Hiệp Phước Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty đã cho thuê theo hợp đồng thuê tài sản ký ngày 25 tháng 11 năm 2020 giữa Công ty và Công ty TNHH Goldfinger. Thời hạn thuê theo hợp đồng là 5 năm kể từ thời điểm ký biên bản bàn giao nhà xưởng ngày 01 tháng 12 năm 2020.

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn (xem Thuyết minh số 22).

Nhà xưởng đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn (xem Thuyết minh số 22).

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2022 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2022 chưa được trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

STT	Danh mục bất động sản đầu tư	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
1	Nhà xưởng nhà máy I	29.473.035.327	12.378.674.826	17.094.360.501
2	Hệ thống dây điện xưởng	4.429.188.116	4.429.188.116	-
3	Lắp đặt hệ thống thang máy	826.648.409	826.648.409	-
4	Hệ thống dây điện xưởng I	238.314.400	238.314.400	-
5	Phí bảo hiểm rủi ro xây dựng NMI	49.950.000	20.979.000	28.971.000
6	Đường ống sắt tráng kẽm hệ thống chữa cháy vách tường	100.108.000	85.508.944	14.599.056
7	Khoang Giếng Công nghiệp	43.906.000	43.906.000	-
8	Hệ thống PCCC NMI	837.297.513	837.297.513	-
9	Tường rào nhà xưởng	200.000.000	200.000.000	-
10	Hệ thống thang thoát hiểm	110.909.090	105.363.645	5.545.445
11	Mái hiên nhà kho (HĐ 20/06/2018 HDKT)	124.200.000	111.780.000	12.420.000
12	Mái hiên nhà kho theo HĐ số 10/07/2018 HDKT ngày 12/07/2018	79.719.000	70.418.450	9.300.550
13	Mái hiên nhà kho theo HĐ số 08/08/2018 HDKT ngày 08/08/2018	132.912.000	117.405.600	15.506.400
14	Máy bơm chữa cháy Diesel hyundai D4BB	133.000.000	133.000.000	-
15	Hệ thống xử lý nước thải	345.610.000	345.610.000	-
16	Thi công lắp đặt hệ thống báo cháy	132.245.000	24.244.913	108.000.087
17	Quyền sử dụng đất	3.465.425.000	-	3.465.425.000
Cộng		40.722.467.855	19.968.339.816	20.754.128.039

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***17. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (Tiếp theo)**

Nguyên giá của Bất động sản đầu tư bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 với giá trị là 6.815.650.038 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 1.907.851.922 VND).

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Sài Gòn Tây Bắc (SCD)	7.401.682.288	7.401.682.288	-	-
Công ty TNHH MTV Vân Anh Phát	3.435.188.206	3.435.188.206	3.377.399.098	3.377.399.098
Công ty TNHH Sơn Song Kỳ	2.991.153.880	2.991.153.880	4.644.579.698	4.644.579.698
Khác	31.992.615.279	31.992.615.279	50.087.228.440	50.087.228.440
Cộng	45.820.639.653	45.820.639.653	58.109.207.236	58.109.207.236

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Kukkia Co., Ltd	735.899.671	2.201.578.672
Sanyei Scandinavia A/S	-	4.184.006.400
Các đối tượng khác	1.980.040.852	7.272.964.612
Cộng	2.715.940.523	13.658.549.684

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Lãi vay phải trả	-	662.692.466
Trích trước giá trị Nhà cửa vật kiến trúc, tiền thuê đất đã sử dụng	-	6.728.802.080
Chi phí trích trước khác	444.410.994	315.014.000
Cộng	444.410.994	7.706.508.546

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.914.351.718	9.152.639.883
Kinh phí công đoàn	1.213.497.601	2.227.061.021
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	303.708.037	1.973.721.869
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	118.560.000	-
Ký quỹ, ký cược	1.100.000.000	4.800.000.000
Các khoản phải trả khác	178.586.080	151.856.993
b) Dài hạn	3.781.720.000	2.474.841.290
Ký quỹ, ký cược	3.781.720.000	2.474.841.290

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA

Số nhà 71/4a Đường Hiệp Thành 13, Khu phố 17,
Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	300.842.755.786	300.842.755.786	686.481.425.284	(789.755.149.753)	197.569.031.317	197.569.031.317
Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Sài Gòn	134.119.026.223	134.119.026.223	400.691.804.389	(411.543.287.557)	123.267.543.055	123.267.543.055
Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – CN Chợ Lớn (ii)	73.766.244.906	73.766.244.906	199.519.070.061	(231.133.230.864)	42.152.084.103	42.152.084.103
Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Nhơn Trạch (iii)	47.821.533.473	47.821.533.473	60.906.685.642	(83.462.091.520)	25.266.127.595	25.266.127.595
Ông Nguyễn Tiên Thọ - Bên liên quan (iv)	-	-	500.000.000	-	500.000.000	500.000.000
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả, gồm:</i>	45.135.951.184	45.135.951.184	24.863.865.192	(63.616.539.812)	6.383.276.564	6.383.276.564
Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Sài Gòn	22.750.000.000	22.750.000.000	-	(22.750.000.000)	-	-
Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Nhơn Trạch (v)	798.750.000	798.750.000	798.750.000	(798.750.000)	798.750.000	798.750.000
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease (vi)	792.879.984	792.879.984	500.225.054	(858.468.612)	434.636.426	434.636.426
Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – CN Chợ Lớn (vii)	20.794.321.200	20.794.321.200	23.564.890.138	(39.209.321.200)	5.149.890.138	5.149.890.138
b) Dài hạn	31.697.773.254	31.697.773.254	-	(24.863.865.192)	6.833.908.062	6.833.908.062
Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Nhơn Trạch (v)	1.198.125.000	1.198.125.000	-	(798.750.000)	399.375.000	399.375.000
Công ty cho Thuê tài chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease (vi)	500.225.054	500.225.054	-	(500.225.054)	-	-
Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – CN Chợ Lớn (vii)	29.999.423.200	29.999.423.200	-	(23.564.890.138)	6.434.533.062	6.434.533.062
Tổng cộng	332.540.529.040	332.540.529.040	686.481.425.284	(814.619.014.945)	204.402.939.379	204.402.939.379

- (i) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, lãi suất vay được quy định theo từng khế ước nhận nợ cụ thể. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh hình thành từ vốn vay của Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2019/2697839/HĐBĐ ngày ngày 29 tháng 7 năm 2019, tổng giá trị tài sản thế chấp là hàng tồn kho với giá trị 200.000.000.000 VND.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam - Chi nhánh Chợ lớn, lãi suất cho vay theo từng khế ước và tùy thuộc vào từng thời kỳ, khoản vay nhằm tài trợ cho việc thanh toán nhập khẩu/ mua hàng hóa/ nguyên vật liệu và bổ sung vốn lưu động.

Tài sản thế chấp bao gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại địa chỉ 71/4a khu phố 7, Đường Hiệp Thành 13, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại địa chỉ Lô C5-9, KCN Tân Phú Trung, Ấp Trạm Bơm, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh.
- Máy móc thiết bị được nhập khẩu theo hợp đồng thế chấp số PBVN_CLN/000624/18.
- Các khoản phải thu với giá trị tối thiểu tại mọi thời điểm là 3.000.000.000 VND và 600.000 USD.
- Hàng tồn kho với giá trị tối thiểu tại mọi thời điểm là 20.000.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOASố nhà 71/4a Đường Hiệp Thành 13, Khu phố 17,
Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HNBan hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

- (iii) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nhơn Trạch, mục đích để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, lãi suất vay được quy định theo từng khế ước nhận nợ cụ thể. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản theo hợp đồng thế chấp gồm: hàng tồn kho với giá trị 50.000.000.000 VND và khoản tiền gửi tiết kiệm của Công ty.
- (iv) Khoản vay ngắn hạn từ Ông Nguyễn Tiến Thọ - Tổng Giám đốc Công ty để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất vay 0%. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (v) Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi Nhánh Nhơn Trạch, với mục đích vay dùng để mua xe nâng hàng Heli, lãi suất vay 8,3%/năm. Tài sản thế chấp là xe nâng theo hợp đồng thế chấp số 2021005/KHDN-HĐTC ngày 08 tháng 7 năm 2021.
- (vi) Giá trị khoản nợ thuê tài chính dài hạn từ Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease (CILC), bao gồm 2 hợp đồng thuê tài chính, được sử dụng cho mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn thuê là 48 tháng. Lãi suất thuê áp dụng lãi suất thả nổi được tính bằng lãi suất tiêu chuẩn VND của CILC cộng (“+”) Biên độ. Nợ thuê tài chính được đảm bảo bằng số tiền ký quỹ (xem Thuyết minh số 6).
- (vii) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam - Chi nhánh Chợ lớn, lãi suất cho vay theo từng khế ước và tùy thuộc vào từng thời kỳ nhằm mục đích mua máy móc thiết bị nhập khẩu.

Tài sản thế chấp bao gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại địa chỉ 71/4a khu phố 7, Đường Hiệp Thành 13, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh và máy móc thiết bị.
- Tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại địa chỉ Lô C5-9, KCN Tân Phú Trung, Ấp Trạm Bơm, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh.

Lịch trả nợ các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	6.383.276.564	45.135.951.184
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	6.833.908.062	31.697.773.254
Tổng cộng	13.217.184.626	76.833.724.438
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	6.383.276.564	45.135.951.184
Số phải trả sau 12 tháng	6.833.908.062	31.697.773.254

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoàn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoàn lại phải trả phát sinh từ khoản xác định giá trị hợp lý của tài sản	33.942.125.904	35.584.485.866
Cộng	33.942.125.904	35.584.485.866

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số đầu năm trước	154.115.410.000	64.676.790.575	143.079.090.037	361.871.290.612
Lãi năm trước	-	53.889.520.314	460.685.095	54.350.205.409
Chia cổ tức	-	(30.774.140.000)	(7.350.718.137)	(38.124.858.137)
Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ lệ chia cổ tức ở Công ty con	-	960.953.265	(960.953.265)	-
Số cuối năm trước	154.115.410.000	88.753.124.154	135.228.103.730	378.096.637.884
Lãi năm nay	-	66.221.626.954	(2.784.057.693)	63.437.569.261
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (i)	86.166.280.000	(86.166.280.000)	-	-
Chia cổ tức bằng tiền (ii)	-	-	(5.525.600.000)	(5.525.600.000)
Số cuối năm	240.281.690.000	68.808.471.108	126.918.446.037	436.008.607.145

- (i) Dựa theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020 đã được thông qua trong Nghị quyết số 01/NQ.ĐHĐCĐTN/2021 ngày 24 tháng 4 năm 2021, Công ty thực hiện chia cổ tức năm 2020 đợt cuối bằng cổ phiếu với tổng số lượng cổ phiếu phát hành là 3.077.355 cổ phần (tổng giá trị là 30.773.550.000 VND) theo Nghị quyết số 01/2022-NQHDQT-NHT ngày 06/01/2022 của Hội đồng Quản trị và Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 01/22/NHT-BCKQPHCP ngày 27/01/2022. Số lượng chứng khoán tương đương với số vốn tăng thêm đã được niêm yết từ ngày 04 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định thay đổi đăng ký niêm yết số 124/QĐ-SGDHCM ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Nghị quyết số 01/NQ.ĐHĐCĐTN/2022 ngày 29 tháng 4 năm 2022, Công ty thực hiện chia cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu với tổng số lượng cổ phiếu phát hành là 5.539.273 cổ phần (tổng giá trị là 55.392.730.000 VND) theo Nghị quyết số 12/2022-NQHDQT-NHT ngày 25/10/2022, Nghị quyết số 14/2022-NQHDQT-NHT ngày 14/11/2022 của Hội đồng Quản trị và Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 02/22/NHT-BCKQPHCP ngày 14/11/2022. Số lượng chứng khoán tương đương với số vốn tăng thêm đã được niêm yết từ ngày 12 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định thay đổi đăng ký niêm yết số 873/QĐ-SGDHCM ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

- (ii) Công ty con thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/NQĐHĐCĐTN/2022 ngày 28 tháng 4 năm 2022.

Cổ tức ở công ty con đã thanh toán cho các cổ đông trong năm nay là 5.407.040.000 VND (năm trước là 49.846.957.384 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Chi tiết Vốn điều lệ đã được góp đủ như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phiếu	Tỉ lệ %	Số cổ phiếu	Tỉ lệ %
Ông Đoàn Hương Sơn	5.864.212	24,41%	3.579.111	23,22%
Ông Lê Duy Anh	3.120.000	12,98%	2.000.000	12,98%
Bà Bùi Thị Hiền	2.398.206	9,98%	1.537.312	9,98%
Bà Trần Thị Thanh Hương	1.560.000	6,49%	1.000.000	6,49%
Ông Nguyễn Tiến Thọ	803.790	3,35%	515.250	3,34%
Cổ phiếu quỹ	24.471	0,10%	24.471	0,16%
Các cổ đông khác	10.257.490	42,69%	6.755.397	43,83%
Cộng	24.028.169	100%	15.411.541	100%

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303292182 sửa đổi lần 11 ngày 01 tháng 6 năm 2022, Vốn điều lệ của Công ty là 184.888.960.000 VND, tương đương 18.488.896 cổ phần. Hiện Công ty đang thực hiện thủ tục để đăng ký thay đổi Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh theo số vốn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 240.281.690.000 VND, tương đương 24.028.169 cổ phần.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.028.169	15.411.541
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.028.169	15.411.541
- Số lượng cổ phiếu quỹ	24.471	24.471
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.471	24.471
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.003.698	15.387.070
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.003.698	15.387.070

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	786.280,60	666.341,30
Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)	413,96	413,68
Đô la Canada (CAD)	1.200,00	1.200,00
Đô la Úc (AUD)	550,00	550,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Khu vực địa lý

Công ty hoạt động sản xuất là chính, hoạt động chính này và cho thuê bất động sản, bán hàng hóa đều diễn ra tại miền Nam, sản phẩm xuất khẩu là chủ yếu, nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chủ yếu của Công ty là sản xuất các mặt hàng đồ chơi, đồ gia dụng, đồ nội thất từ gỗ, tạo ra phần lớn doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, hoạt động bán hàng hóa và cho thuê bất động sản chiếm tỷ lệ không đáng kể trong doanh thu và lợi nhuận. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

27. DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	884.082.626.075	929.907.090.346
Doanh thu bán hàng hóa	30.501.483.393	43.379.353.208
Doanh thu bán thành phẩm	846.185.661.063	880.047.887.649
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.068.601.619	680.209.489
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	6.326.880.000	5.799.640.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	3.856.609.219	865.768.717
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại	-	2.906.400
- Hàng bán bị trả lại	866.356.203	484.504.296
- Giảm giá hàng bán	2.990.253.016	378.358.021
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	880.226.016.856	929.041.321.629

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	26.228.607.867	39.041.581.434
Giá vốn của thành phẩm đã bán	684.380.270.792	721.753.679.209
Giá vốn cho thuê bất động sản đầu tư	2.252.783.684	2.274.965.715
Cộng	712.861.662.343	763.070.226.358

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	410.094.577.623	461.781.891.721
Chi phí nhân công	214.367.089.637	244.856.987.079
Chi phí khấu hao tài sản cố định	39.202.563.337	38.161.256.694
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.821.711.335	64.827.144.740
Chi phí khác	7.861.428.948	8.716.205.232
Cộng	727.347.370.880	818.343.485.466

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	234.694.458	159.278.620
Lãi chênh lệch tỷ giá	6.452.696.506	8.242.379.063
Doanh thu tài chính khác	-	13.365.320
Cộng	6.687.390.964	8.415.023.003

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	10.066.861.587	15.524.554.875
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	2.016.816.061	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	17.944.786.355	3.893.138.718
Chi phí tài chính khác	49.645.421	-
Cộng	30.078.109.424	19.417.693.593

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	7.126.562.231	11.947.403.900
Chi phí khấu hao TSCĐ	440.823.340	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.809.634.231	27.221.061.311
Các khoản chi phí bán hàng khác	659.372.860	1.043.230.268
Cộng	31.036.392.662	40.211.695.479
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	24.068.869.579	28.662.733.358
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.798.655.860	6.781.499.660
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.932.460.724	13.925.808.145
Các khoản chi phí QLDN khác	6.528.696.279	7.272.998.396
Cộng	49.328.682.442	56.643.039.559

33. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	95.745.762	27.272.727
Thu tiền bán phế liệu	3.145.679.654	1.720.662.599
Các khoản khác	5.052.519.163	3.257.709.556
Cộng	8.293.944.579	5.005.644.882

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa	8.208.727.981	6.629.645.001
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê	193.540.329	1.848.016.415
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.402.268.310	8.477.661.416

35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến chi phí khấu hao các tài sản cố định và chi phí phân bổ tiền thuế đất của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý.

36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	66.221.626.954	53.889.520.314
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	66.221.626.954	53.889.520.314
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	24.003.698	24.003.698
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.759	2.245

Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
		(Trình bày lại)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành đầu năm	24.003.698	24.003.698
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	24.003.698	24.003.698

Ngày 27 tháng 01 năm 2022, Công ty đã thực hiện chia cổ tức năm 2020 đợt cuối bằng cổ phiếu với tổng số lượng cổ phiếu phát hành là 3.077.355 cổ phần (tổng giá trị là 30.773.550.000 VND) theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01/2022-NQHĐQT-NHT ngày 06 tháng 01 năm 2022. Ngày 14 tháng 11 năm 2022, Công ty đã thực hiện chia cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu với tổng số lượng cổ phiếu phát hành là 5.539.273 cổ phần (tổng giá trị là 55.393.270.000 VND) theo Nghị quyết số 14/2022-NQHĐQT-NHT ngày 14 tháng 11 năm 2022. Do đó, Công ty xác định lại số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và trình bày lại số liệu so sánh.

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	204.402.939.379	332.540.529.040
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	25.342.261.470	20.443.878.576
Nợ thuần	179.060.677.909	312.096.650.464
Vốn chủ sở hữu	436.008.607.145	378.096.637.884
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	41,07%	82,54%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.342.261.470	20.443.878.576
Phải thu khách hàng và phải thu khác	53.541.337.413	56.243.634.866
Đầu tư tài chính ngắn hạn	22.331.034.135	4.968.027.827
Các khoản ký quỹ	1.716.389.375	1.230.418.692
Tổng cộng	102.931.022.393	82.885.959.961
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	204.402.939.379	332.540.529.040
Phải trả người bán và phải trả khác	50.999.505.733	65.535.905.519
Chi phí phải trả	444.410.994	7.706.508.546
Tổng cộng	255.846.856.106	405.782.943.105

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính theo như Thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Số cuối năm	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.342.261.470	-	25.342.261.470
Phải thu khách hàng và phải thu khác	53.541.337.413	-	53.541.337.413
Đầu tư tài chính ngắn hạn	22.331.034.135	-	22.331.034.135
Các khoản ký quỹ	1.513.169.375	203.220.000	1.716.389.375
Tổng cộng	102.727.802.393	203.220.000	102.931.022.393
Công nợ tài chính			
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	197.569.031.317	6.833.908.062	204.402.939.379
Phải trả người bán và phải trả khác	47.217.785.733	3.781.720.000	50.999.505.733
Chi phí phải trả	444.410.994	-	444.410.994
Tổng cộng	245.231.228.044	10.615.628.062	255.846.856.106
Chênh lệch thanh khoản thuần	(142.503.425.651)	(10.412.408.062)	(152.915.833.713)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Số đầu năm	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.443.878.576	-	20.443.878.576
Phải thu khách hàng và phải thu khác	56.243.634.866	-	56.243.634.866
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.968.027.827	-	4.968.027.827
Các khoản ký quỹ	1.021.198.692	209.220.000	1.230.418.692
Tổng cộng	82.676.739.961	209.220.000	82.885.959.961
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	300.842.755.786	31.697.773.254	332.540.529.040
Phải trả người bán và phải trả khác	63.061.064.229	2.474.841.290	65.535.905.519
Chi phí phải trả	7.706.508.546	-	7.706.508.546
Tổng cộng	371.610.328.561	34.172.614.544	405.782.943.105
Chênh lệch thanh khoản thuần	(288.933.588.600)	(33.963.394.544)	(322.896.983.144)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, ngoài các số dư với các bên liên quan trình bày tại các thuyết minh số 09 và 22; Công ty còn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xuân Hòa - Việt Nam		
Mua nguyên vật liệu, công cụ	-	2.086.075.325
Ông Nguyễn Tiến Thọ		
Mượn tiền	1.410.000.000	200.000.000
Hoàn trả tiền đã mượn	1.410.000.000	200.000.000
Tạm ứng tiền	240.000.000	1.114.112.673
Hoàn ứng tiền	340.000.000	1.014.112.673
Thanh toán tiền cổ tức	-	1.030.500.000
Ông Đoàn Hương Sơn		
Thanh toán tiền cổ tức	-	9.656.671.619
Ông Lê Duy Anh		
Thanh toán tiền cổ tức	-	5.271.975.134

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thù lao của Hội đồng quản trị	586.666.666	599.999.999
Ông Đoàn Hương Sơn - Chủ tịch	200.000.000	200.000.000
Ông Lê Duy Anh - Thành viên	133.333.333	133.333.333
Bà Bùi Thị Minh Tâm - Thành viên độc lập	120.000.000	133.333.333
Ông Phạm Hải Văn - Thành viên độc lập	133.333.333	133.333.333
Thù lao Ban kiểm soát	200.000.000	213.333.333
Bà Đào Ngọc Thu - Trưởng Ban kiểm soát	133.333.333	133.333.333
Bà Nguyễn Thị Linh Chi - Thành viên	40.000.000	40.000.000
Ông Võ Văn Biên	-	40.000.000
Ông Đinh Công Hường - Thành viên	26.666.667	-
Lương Ban Tổng Giám đốc	2.887.820.148	1.378.825.125
Ông Nguyễn Tiến Thọ - Tổng Giám đốc	1.438.746.000	1.378.825.125
Ông Lưu Vũ Sơn - Phó Tổng Giám đốc	770.296.148	-
Ông Phạm Việt Phương - Phó Tổng Giám đốc	678.778.000	-
Cộng	3.674.486.814	2.192.158.457

39. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua sắm tài sản cố định trong năm đã bao gồm số tiền 1.590.573.500 VND là khoản mua tài sản cố định năm trước được thanh toán trong năm nay nhưng không bao gồm 27.720.000 VND là khoản mua tài sản cố định năm nay đã được thanh toán vào năm trước. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả, phải thu.

Tiền lãi vay đã trả trong năm bao gồm 662.692.466 VND là khoản chi phí lãi vay phát sinh năm trước thanh toán trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm 123.977.784 VND là khoản tiền lãi phát sinh năm nay chưa thu được nhưng đã bao gồm 125.230.000 VND là khoản tiền lãi phát sinh năm trước thu được trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm 118.560.000 VND là khoản tiền cooec tức chia trong năm nay chưa chi trả. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

40. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty con thuê đất tại Lô số 3 đường 5A, KCN Nhơn Trạch 2, Xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai của Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Công nghiệp số 2 theo Hợp đồng thuê lại đất số 137/HĐ-TLĐ ngày ngày 15 tháng 7 năm 2005, kèm theo các Phụ lục điều chỉnh, nhằm mục đích xây dựng văn phòng, kho bãi và nhà máy của Công ty con. Tổng diện tích thuê 84.105 m², thời hạn thuê là 42 năm kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2005 đến 20 tháng 6 năm 2047 với đơn giá thuê là 1,1 USD/m². Tiền thuê được trả hàng năm. Công ty con đã phân bổ vào chi phí trong năm 2.088.075.835 VND đối với khoản tiền thuê đất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

40. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

Tiền thuê được trả theo lịch như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	2.176.427.138	2.124.155.880
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	8.705.708.550	8.496.623.520
Sau năm năm	42.401.570.890	43.545.195.540
Tổng cộng	53.283.706.577	54.165.974.940
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	2.176.427.138	2.124.155.880
Số phải trả sau 12 tháng	51.107.279.440	52.041.819.060

Công ty mẹ đã thuê đất tại Khu Công nghiệp Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng thuê đất số 110/HĐTD/SCD-2018 ngày 30 tháng 10 năm 2018 với Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc (SCD) để xây dựng nhà máy. Thời gian thuê từ ngày 30 tháng 10 năm 2018 đến ngày 16 tháng 12 năm 2054, tiền thuê đã được thanh toán. Công ty đã phân bổ vào chi phí trong năm 949.718.600 VND đối với khoản tiền thuê đất này.



Nguyễn Tiên Thọ
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Nguyễn Đức Cường
Kế toán trưởng

Vương Thị Ngọc Linh
Người lập biểu